

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đào Thu Hiền
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐÔNG NAM Á**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đào Thu Hiền
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh**

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đào Thu Hiền

Mã SV: 1212401154

Lớp: QT1602K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ
Đông Nam Á

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Khái quát được những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.
- Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á. Trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2015

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 4 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 09 tháng 7 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Đào Thu Hiền

ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết.
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á, có số liệu minh họa cụ thể (năm 2015). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ sách kế toán logic và hợp lý.

Chương 3, tác giả đã đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số:

Bằng chữ:.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.	2
1.1. Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2
1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2
1.1.2. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2
1.1.2.1. Doanh thu	2
1.1.2.2. Chi phí	5
1.1.2.3. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	6
1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	7
1.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	8
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.	8
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng	8
1.2.1.2. Tài khoản kế toán sử dụng	8
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán	10
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán	11
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng	11
1.2.2.3. Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán	13
1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	16
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng	16
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán	16
1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	18
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng	18
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng	18
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán	19

1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	21
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng	21
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng	21
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán	21
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	23
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng	23
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng	23
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán	23
1.2.7. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. ...	25
1.2.7.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	25
1.2.7.2. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	25
1.2.7.3. Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái	26
1.2.7.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	27
1.3. Một số điểm khác biệt giữa Thông tư 200 và Quyết định 48 trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.	28
CHƯƠNG II THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐÔNG NAM Á.....	30
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á. ...	30
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.	30
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.	31
2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán.	33
2.1.3.2. Chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương	34
2.1.3.3. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.....	35
2.1.3.4. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính.	36
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.....	36
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.....	36
2.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.....	36

2.2.1.2. Chứng từ sử dụng.....	36
2.2.1.3. Tài khoản sử dụng.....	37
2.2.1.4. Quy trình hạch toán.....	37
2.2.1.5. Ví dụ minh họa.....	38
2.2.2. Kế toán giá vốn bán hàng tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.....	45
2.2.2.1. Nội dung giá vốn bán hàng tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.....	45
2.2.2.2. Chứng từ sử dụng.....	45
2.2.2.3. Tài khoản sử dụng.....	45
2.2.2.4. Quy trình hạch toán.....	45
2.2.2.5. Ví dụ minh họa.....	46
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.....	52
2.2.3.1. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh.....	52
2.2.3.2. Chứng từ sử dụng.....	52
2.2.3.3. Tài khoản sử dụng.....	52
2.2.3.4. Quy trình hạch toán.....	52
2.2.3.5. Ví dụ minh họa.....	53
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.....	58
2.2.4.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính.....	58
2.2.4.2. Chứng từ sử dụng.....	58
2.2.4.3. Tài khoản sử dụng.....	58
2.2.4.4. Quy trình hạch toán.....	58
2.2.4.5. Ví dụ minh họa.....	59
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	66
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.....	66
2.2.6.1. Chứng từ sử dụng.....	66
2.2.6.2. Tài khoản sử dụng.....	66
2.2.6.3. Quy trình hạch toán.....	66
2.2.6.5. Ví dụ minh họa.....	67

CHƯƠNG III MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT

QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐÔNG NAM Á	74
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.....	74
3.1.1. Ưu điểm	74
3.1.2. Nhược điểm	75
3.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	76
3.2.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.	76
3.2.3. Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	77
3.2.4. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.	78
3.2.4.1. Hoàn thiện việc trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi.	78
3.2.4.3. Hiện đại hóa công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.	90
3.2.4.4. Hoàn thiện quy trình luân chuyển chứng từ tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.	95
3.2.4.5. Một số giải pháp khác:.....	96
KẾT LUẬN	97
TÀI LIỆU THAM KHẢO	98

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	11
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	14
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.	15
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.....	17
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	20
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác.....	22
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	24
Sơ đồ 1.8: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung.....	25
Sơ đồ 1.9: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	26
Sơ đồ 1.10: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.....	27
Sơ đồ 1.11: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Kế toán trên máy vi tính.....	28
Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.....	31
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.....	33
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.....	35
Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.....	37
Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.....	46
Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.....	52
Sơ đồ 2.7: Quy trình kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính của công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.....	58
Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.....	66
Sơ đồ 2.9: Sơ đồ các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí năm 2015 tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.....	67

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000065	39
Biểu số 2.2: GBC ngày 10/10/2015 của Ngân hàng Á Châu chi nhánh Hồng Bàng- Hải Phòng	40
Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT số 0000066	41
Biểu số 2.4: Phiếu thu số 23/10.....	42
Biểu số 2.5 : Sổ Nhật ký chung(trích).....	43
Biểu số 2.6: Sổ cái TK 511 (trích)	44
Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho số 116/10.....	48
Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho số 117/10.....	49
Biểu số 2.9: Sổ Nhật ký chung (trích).....	50
Biểu số 2.10: Sổ cái tài khoản 632 (trích).....	51
Biểu số 2.11: Hóa đơn GTGT số 0000136	54
Biểu số 2.12: Phiếu chi số 58/10.....	55
Biểu số 2.13 : Sổ Nhật ký chung (trích).....	56
Biểu số 2.14: Sổ cái TK 642	57
Biểu số 2.15: GBC ngày 25/10/2015 của Ngân hàng Á Châu chi nhánh Hồng Bàng - Hải Phòng	60
Biểu số 2.16 : Sổ Nhật ký chung (trích).....	61
Biểu số 2.17: Sổ cái tài khoản 515.....	62
Biểu số 2.18: GBN ngày 25/10/2015 của Ngân hàng Á Châu chi nhánh Hồng Bàng - Hải Phòng	63
Biểu số 2.19 : Sổ Nhật ký chung (trích).....	64
Biểu số 2.20: Sổ cái tài khoản 635.....	65
Biểu số 2.21: Phiếu kê toán số 15	68
Biểu số 2.22: Phiếu kê toán số 16.....	68
Biểu số 2.23: Phiếu kê toán số 17	69
Biểu số 2.24: Phiếu kê toán số 18.....	69
Biểu số 2.25: Phiếu kê toán số 19	69
Biểu số 2.26: Sổ Nhật ký chung (trích).....	70
Biểu số 2.27: Sổ cái TK 911	71
Biểu số 2.28: Sổ cái TK 821	72
Biểu số 2.29: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015.....	73
Biểu số 3.1: Bảng kê công nợ tính đến ngày 31/12/2015	81

Biểu số 3.2: Bảng kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi.....	82
Biểu số 3.3: Sổ chi tiết bán hàng (S17-DNN).....	84
Biểu số 3.4: Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh (S18- DNN)	85
Biểu số 3.5: Sổ chi tiết bán hàng.....	87
Biểu số 3.6: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh	88
Biểu số 3.7: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh	89
Biểu số 3.8: Mẫu sổ giao nhận chứng từ.....	95

LỜI MỞ ĐẦU

Nước ta đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đồng thời cũng đang tiến hành hội nhập với thế giới. Vì thế, để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, các doanh nghiệp luôn cố gắng nhằm phấn đấu nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ của mình. Đồng thời doanh nghiệp phải làm tốt công tác quản lý, công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Nhận thức được tầm quan trọng, thiết thực của công việc kế toán; vận dụng kiến thức đã được học tại trường và thực tế qua quá trình thực tập tại công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á, em đã chọn đề tài: “ ***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á***” cho bài khóa luận của mình.

Nội dung bài khóa luận của em gồm 3 chương:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á

Do đây là lần đầu tiên tiếp xúc với việc tìm hiểu công việc thực tế nên không thể tránh khỏi những thiếu sót hạn chế trong quá trình tìm hiểu, trình bày và đánh giá về Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á nên em rất mong được sự giúp đỡ của các thầy cô!

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Đào Thu Hiền

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.

1.1. Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Ngày nay việc hoàn thiện từng phần hành kế toán, tiến tới hoàn thiện toàn bộ bộ máy kế toán để đáp ứng yêu cầu đổi mới và đạt hiệu quả trong hoạt động kinh doanh và quản lý kinh doanh luôn là vấn đề được đặt lên hàng đầu với các nhà quản lý kinh tế. Đặc biệt việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò cực kỳ quan trọng trong công tác kế toán của một doanh nghiệp.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp xác định được kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán và nắm được mọi hoạt động của đơn vị thông qua các chỉ tiêu phản ánh kết quả kinh doanh. Quản lý tốt chi phí, tăng doanh thu, xác định kết quả kinh doanh chính xác giúp doanh nghiệp hiểu rõ các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của doanh nghiệp, tạo điều kiện thúc đẩy giúp doanh nghiệp đạt được hiệu quả trong kinh doanh. Qua đó cung cấp được thông tin, số liệu cần thiết cho chủ doanh nghiệp và giám đốc điều hành có thể phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư hiệu quả cao nhất.

1.1.2. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.2.1. Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. (Theo chuẩn mực kế toán số 14- “Doanh thu và thu nhập khác”, ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ- BTC ngày 31/12/2001 của Bộ tài chính)

Các loại doanh thu:

+) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn điều kiện:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

+) Các khoản giảm trừ doanh thu

- *Chiết khấu thương mại:* là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.
- *Giảm giá hàng bán:* là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hay một phần

hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc bị lạc hậu.

- *Hàng bán bị trả lại*: là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và bị từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế; hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

- *Thuế giá trị gia tăng phải nộp (theo phương pháp trực tiếp)*: Thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất như rượu, bia, thuốc lá...

- *Thuế xuất khẩu*: là loại thuế thu vào các mặt hàng được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hoặc biên giới giữa các quốc gia.

+) **Doanh thu thuần**: là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản trừ doanh thu.

+) **Doanh thu từ hoạt động tài chính**: bao gồm những khoản thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như: tiền lãi, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái; thu nhập từ các hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; thu nhập từ các hoạt động đầu tư khác vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác...

+) **Thu nhập khác**

Thu nhập khác là những khoản góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu từ các hoạt động tạo ra doanh thu (Chuẩn mực kế toán số 14)

Nội dung của thu nhập khác bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê tài sản.
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.

- Các khoản thuế Ngân sách Nhà nước hoàn lại.
- Thu nhập từ biếu tặng tiền, hiện vật...
- Các khoản thu nhập khác.

1.1.2.2. Chi phí

Chi phí là tổng giá trị các khoản giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu (Theo chuẩn mực kế toán số 01 – “Chuẩn mực chung”, ban hành theo QĐ số 165/2002/QĐ- BTC ngày 31/12/2002).

Chi phí bao gồm :

+) **Giá vốn hàng bán:** Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

+) **Chi phí quản lý kinh doanh:** là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp, bao gồm: chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển; chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm; chi phí nhân viên bán hàng; chi phí dụng cụ, đồ dùng, khấu hao tài sản cố định phục vụ bán hàng; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác... và các chi phí có liên quan tới toàn bộ hoạt động quản lý điều hành chung của doanh nghiệp, bao gồm: các chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý văn phòng; các khoản thuế, phí, lệ phí; dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác...

+) **Chi phí hoạt động tài chính:** là các chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như chi phí tiền lãi vay và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi nhuận, tiền bản quyền... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền.

Nội dung chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính.

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ;
- Các chi phí khác.

+) Chi phí khác

Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

Nội dung của chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có);
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Các khoản chi phí khác.

+) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất Thuế TNDN}$$

1.1.2.3. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ trong doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lỗ hay lãi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp gồm:

+) Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

$$\begin{matrix} \text{Doanh thu thuần về} & & \text{Doanh thu bán} & & \text{Các khoản giảm} \\ \text{bán hàng và cung cấp} & = & \text{hàng và cung cấp} & - & \text{trừ doanh thu} \\ \text{dịch vụ} & & \text{dịch vụ} & & \end{matrix}$$

+) Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán.

$$\begin{aligned} & \text{Lợi nhuận gộp về} & & \text{Doanh thu thuần về} \\ & \text{bán hàng và cung} & = & \text{bán hàng và cung} & - & \text{Giá vốn hàng bán} \\ & \text{cấp dịch vụ} & & \text{cấp dịch vụ} & & \end{aligned}$$

+) **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**: là số chênh lệch giữa lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ; doanh thu hoạt động tài chính; chi phí tài chính và chi phí quản lý kinh doanh.

$$\begin{aligned} & \text{Lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận gộp} & & \text{Doanh} & & \text{Chi} & & \text{Chi phí} \\ & \text{thuần từ hoạt} & = & \text{về bán hàng và} & + & \text{thu hoạt} & - & \text{phí} & - & \text{quản lý} \\ & \text{động kinh} & & \text{cung cấp dịch} & & \text{động tài} & & \text{tài} & & \text{kinh doanh} \\ & \text{doanh} & & \text{vụ} & & \text{chính} & & \text{chính} & & \end{aligned}$$

+) **Lợi nhuận khác**: là số chênh lệch giữa thu nhập khác với chi phí khác.

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

+) **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**: là tổng số giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh với lợi nhuận khác.

$$\begin{aligned} & \text{Tổng lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận thuần từ} \\ & \text{kế toán trước} & = & \text{hoạt động kinh} & + & \text{Lợi nhuận khác} \\ & \text{thuế} & & \text{doanh} & & \end{aligned}$$

+) **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (lợi nhuận ròng hay lãi ròng)**: là phần chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán trước thuế với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\begin{aligned} & \text{Lợi nhuận sau thuế} & & \text{Tổng lợi nhuận} & & \text{Chi phí thuế thu} \\ & \text{thu nhập doanh} & = & \text{kế toán trước} & - & \text{nhập doanh nghiệp} \\ & \text{nghiệp} & & \text{thuế} & & \end{aligned}$$

1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Việc ghi chép phản ánh đúng các khoản chi phí, doanh thu rất quan trọng. Bởi nếu không phản ánh đúng, đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sẽ rất khó khăn cho nhà quản trị trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn nữa, việc phản ánh các khoản chi phí còn ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp, nó có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

cần thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác và thực hiện việc phân loại doanh thu, chi phí theo đúng nguyên tắc chuẩn mực kế toán đã qui định.
- Tổ chức chứng từ, tài khoản kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phù hợp với các điều kiện của doanh nghiệp theo đúng qui định.
- Tổng hợp số liệu kế toán đầy đủ từ các sổ sách liên quan đến doanh thu, thu nhập, giá vốn hàng bán và các khoản chi phí, thực hiện kiểm tra đối chiếu để đảm bảo những số liệu đó là chính xác.
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản doanh thu và chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản thuế phải nộp Nhà nước. Đảm bảo cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh cho nhà quản trị đầy đủ, kịp thời và chính xác. Cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý Nhà nước để có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá đời sống của nhân dân và đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

1.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng thông thường
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi
- Hợp đồng mua bán
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, giấy báo có...
- Các chứng từ khác có liên quan như phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại...

1.2.1.2. Tài khoản kế toán sử dụng

+) Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết cấu của tài khoản này như sau:

*** Bên Nợ:**

- Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng

thực tế của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911.

* **Bên Có:**

Doanh thu sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

- TK 511 không có số dư cuối kỳ.
- Tài khoản 511 có 4 tài khoản cấp 2:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

TK 5112: Doanh thu bán các sản phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5118: Doanh thu hoạt động khác

+) **Tài khoản 521 “Các khoản giảm trừ doanh thu”**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách trả lại hoặc hàng bán được giảm giá.

Kết cấu tài khoản:

* **Bên Nợ:**

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào các khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

* **Bên Có:** Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 521- Các khoản giảm trừ doanh thu có 3 tài khoản cấp 2:

TK 5211 “Chiết khấu thương mại”

TK 5212 “Hàng bán bị trả lại”

TK 5213 “Giảm giá hàng bán”

+) Tài khoản 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”

- Tài khoản này dùng để phản ánh quan hệ giữa Doanh nghiệp với Nhà nước về các khoản thuế phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào ngân sách Nhà nước trong kỳ kế toán năm.

- Kết cấu của tài khoản:

*** Bên Nợ:**

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ.

- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp đã nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp.

- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.

*** Bên Có:**

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp.

- Số thuế phí, lệ phí và các khoản phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Tài khoản 333 có số dư bên Có hoặc bên Nợ (nếu có)

Tài khoản 333 có 9 tài khoản cấp 2, trong đó để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán sử dụng tài khoản :

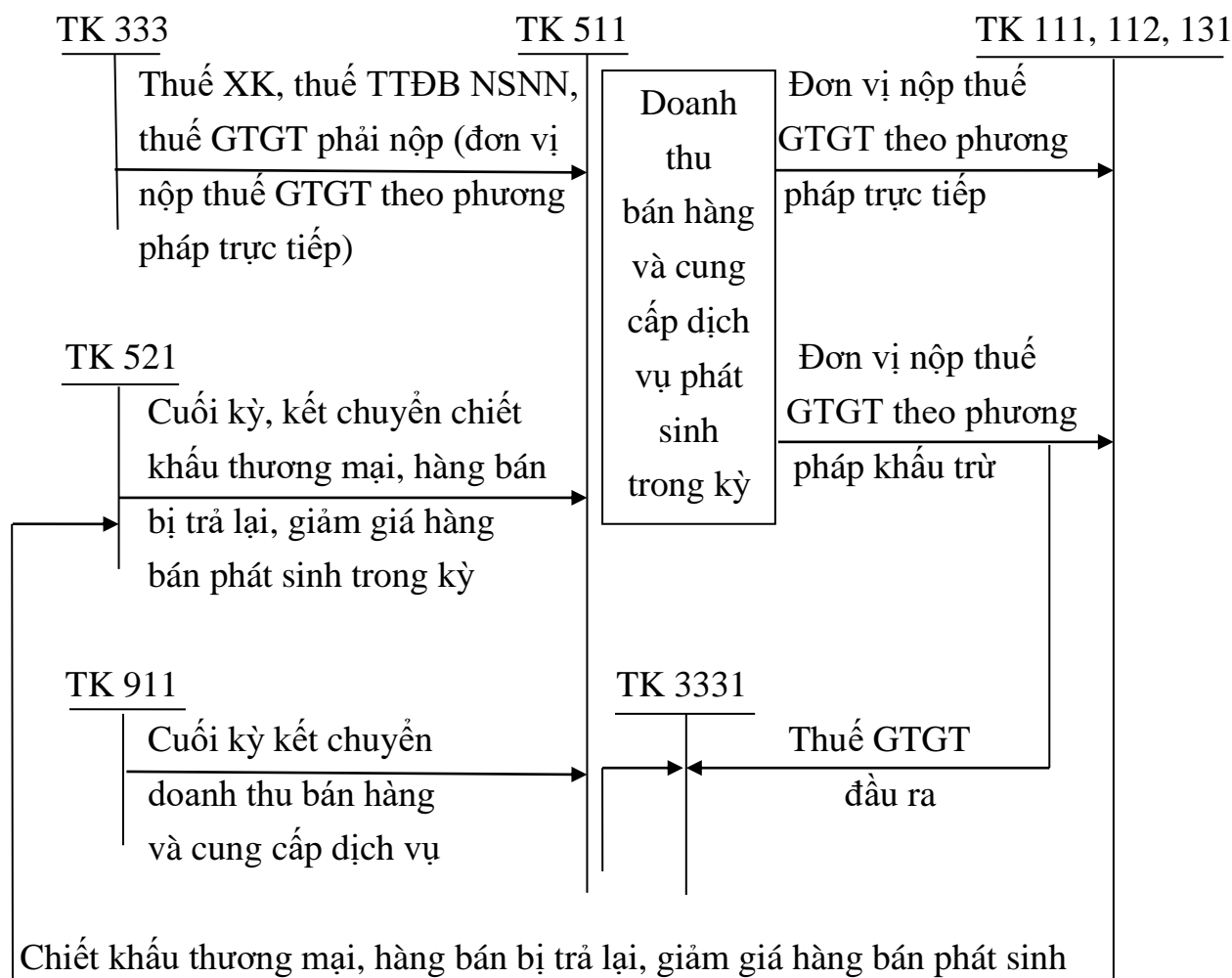
TK 3331 “Thuế GTGT phải nộp”

TK 3332 “Thuế tiêu thụ đặc biệt”

TK 3333 “Thuế xuất, nhập khẩu”

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua sơ đồ 1.1 như sau.



Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

+) Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Kết cấu tài khoản 632 trong trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

*** Bên Nợ:**

- Trị giá vốn của sản phẩm hàng hóa dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

*** Bên Có:**

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

+ Kết cấu TK 632 trong trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

- *Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:*

*** Bên Nợ:**

- Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

*** Bên Có:**

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa được xác định là đã tiêu thụ.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ TK 911
- *Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:*

*** Bên Nợ**

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Trị giá vốn của thành phẩm xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

*** Bên Có:**

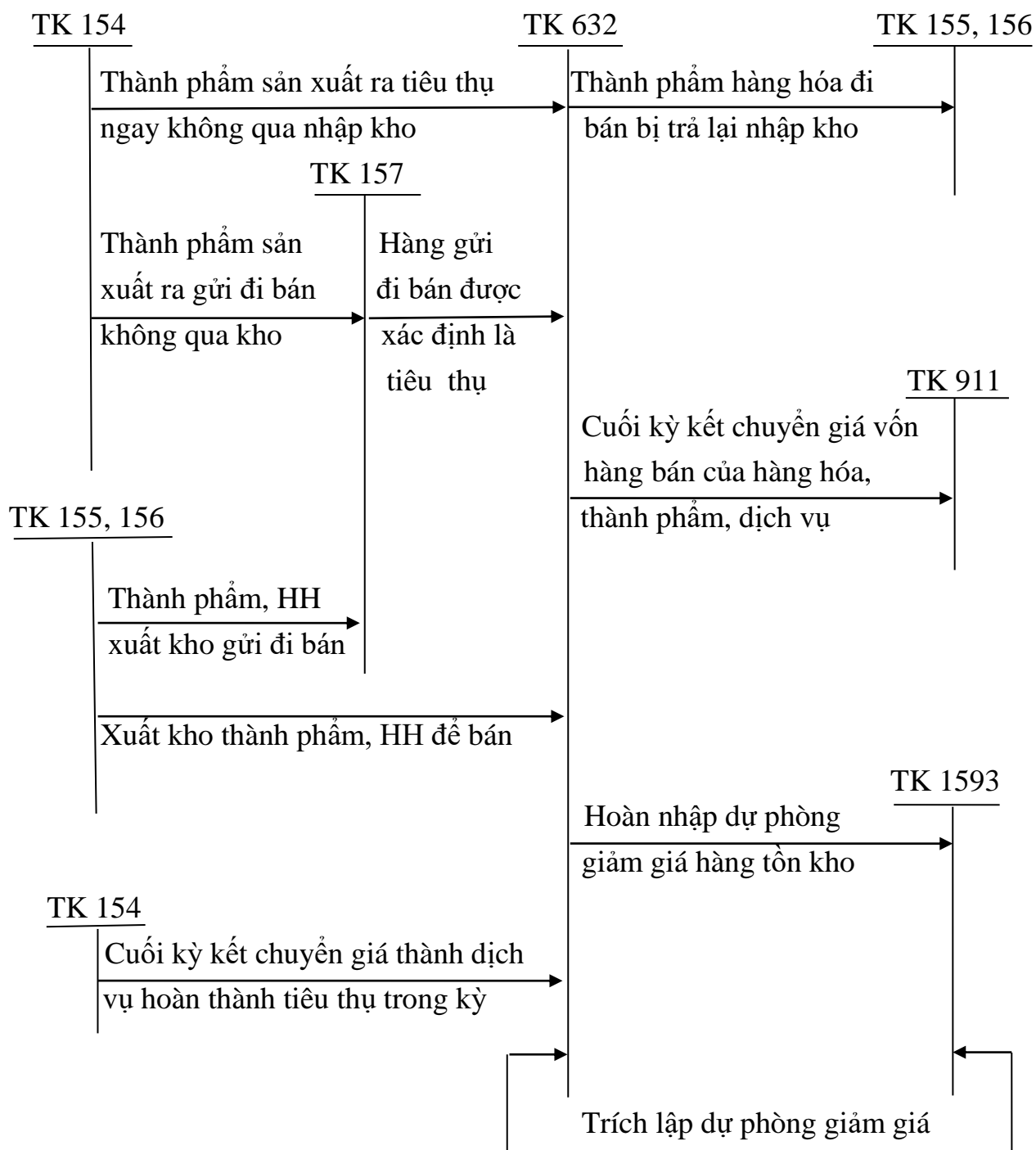
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên nợ TK 155.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

1.2.2.3. Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán

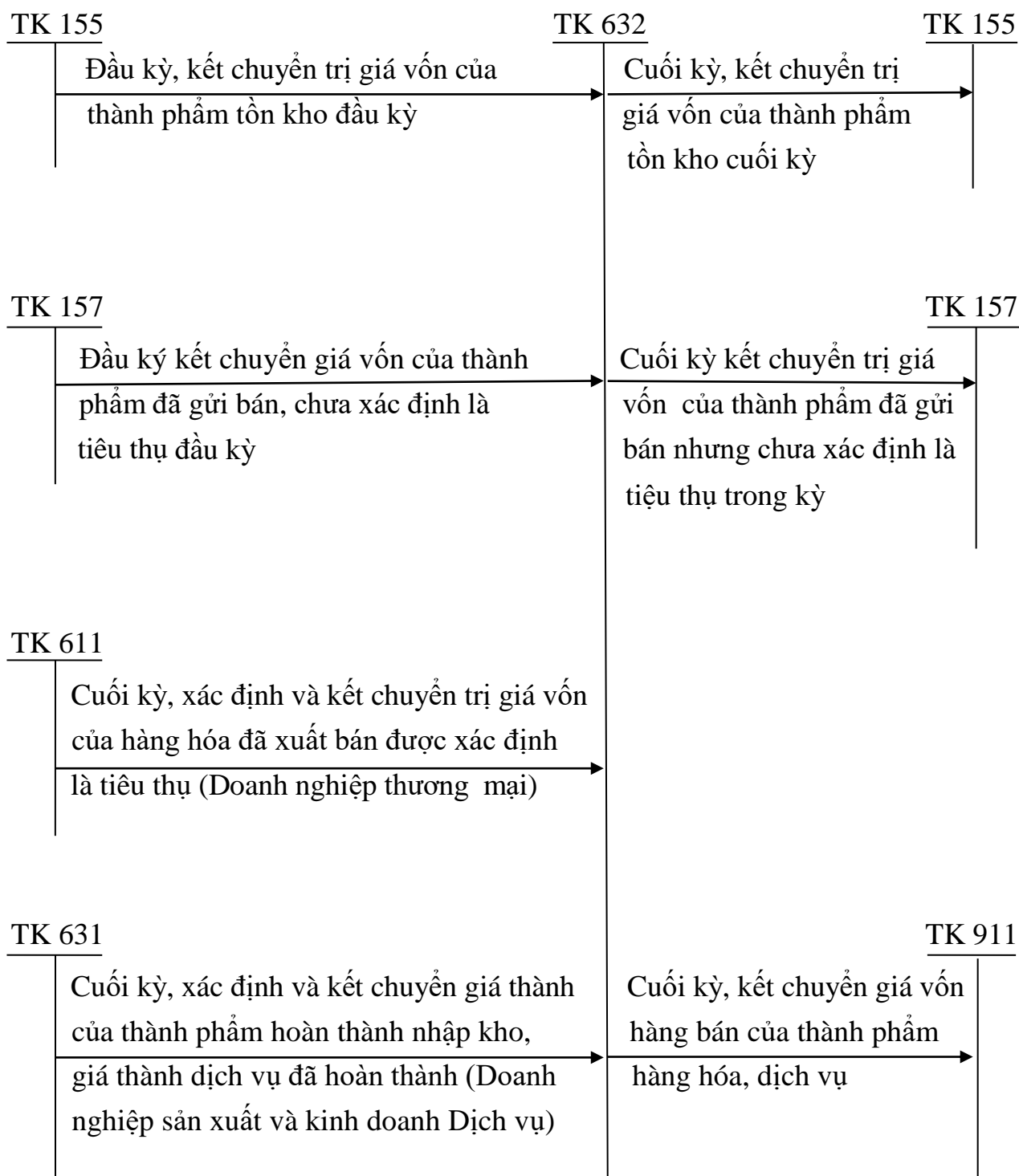
- Phương pháp tính theo giá đích danh: được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.
- Phương pháp bình quân gia quyền: giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.
- Phương pháp nhập trước, xuất trước: áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.
- Phương pháp nhập sau, xuất trước: áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo 2 phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ được khái quát qua 2 sơ đồ 1.2 và 1.3 như sau.



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, Giấy báo nợ
- Bảng phân bổ tiền lương và Bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”

Kết cấu tài khoản 642

*** Bên Nợ:**

- Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ.
- Trích lập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả, dự phòng trợ cấp mất việc làm.

*** Bên Có:**

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

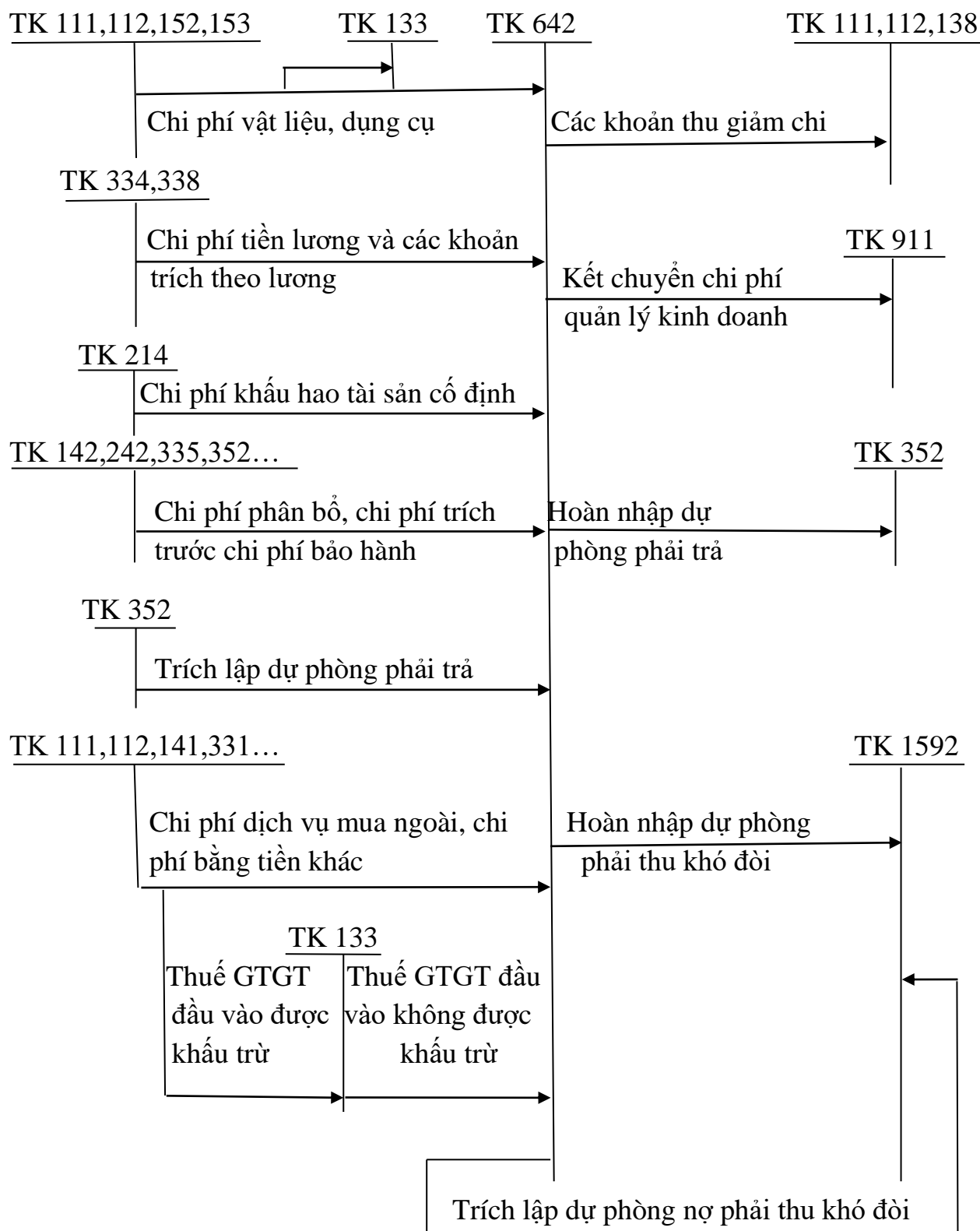
Tài khoản 642 không có dư cuối kỳ.

TK 642 có 2 TK cấp 2:

- TK 6421-Chi phí bán hàng
- TK 6422-Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ 1.4 như sau:



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Bảng tổng hợp trả lãi tiền vay
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Giấy báo có (Giấy báo lãi)
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

+) Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

Kết cấu TK 515

*** Bên Nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

*** Bên Có:**

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

+) Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính

bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ tỷ giá hối đoái...

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

Kết cấu của TK 635:

*** Bên Nợ:**

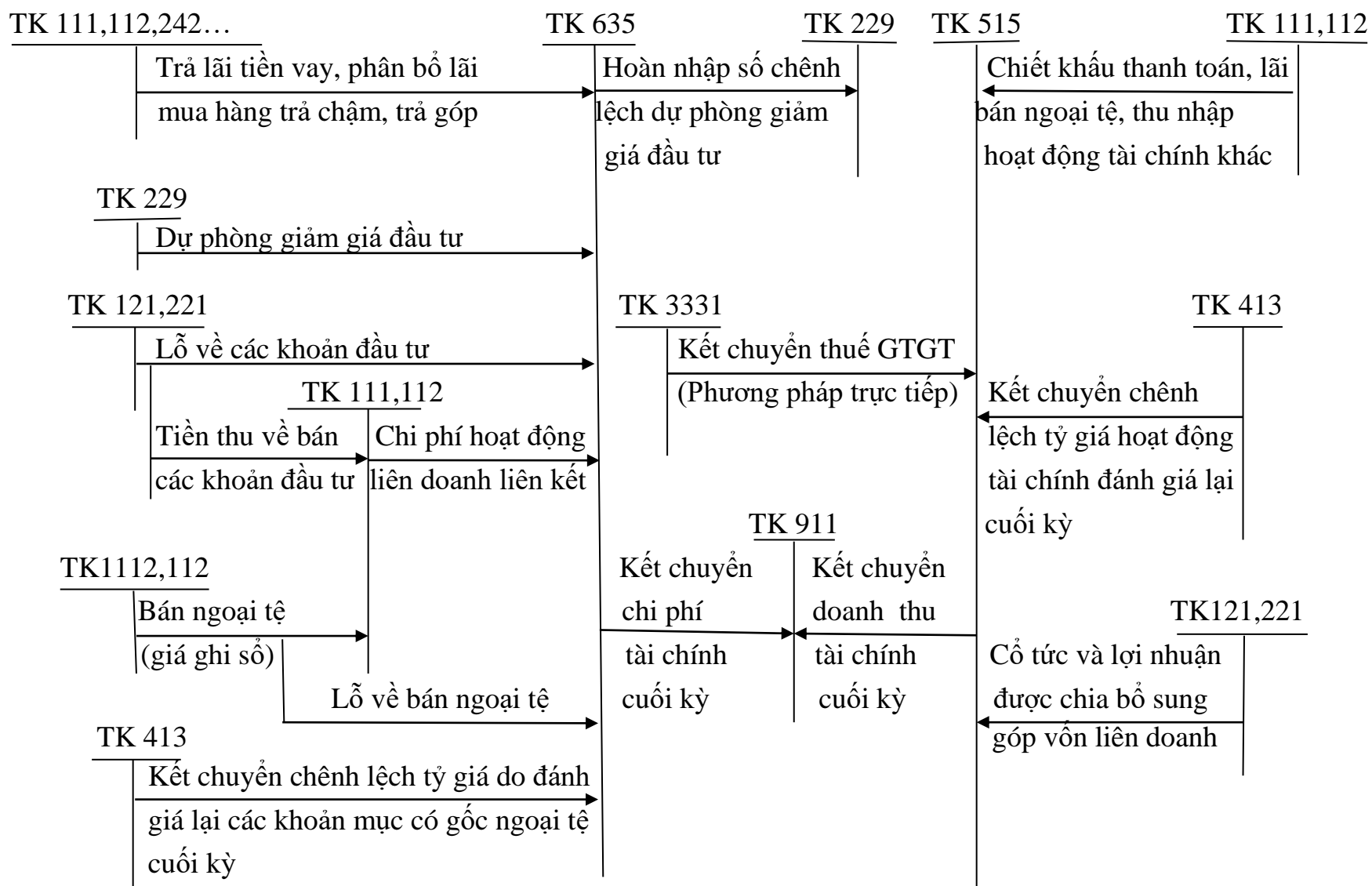
- Các khoản chi phí hoạt động tài chính.
- Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn.
- Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế.

*** Bên Có:**

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.5



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Biên bản đánh giá tài sản
- Phiếu thu, Phiếu chi
- Biên bản thanh lý nhượng bán tài sản cố định
- Biên bản góp vốn liên doanh.

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

+) Tài khoản 711 “Thu nhập khác”

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

Kết cấu TK 711

*** Bên Nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

*** Bên Có:**

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

+) Tài khoản 811 “Chi phí khác”

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

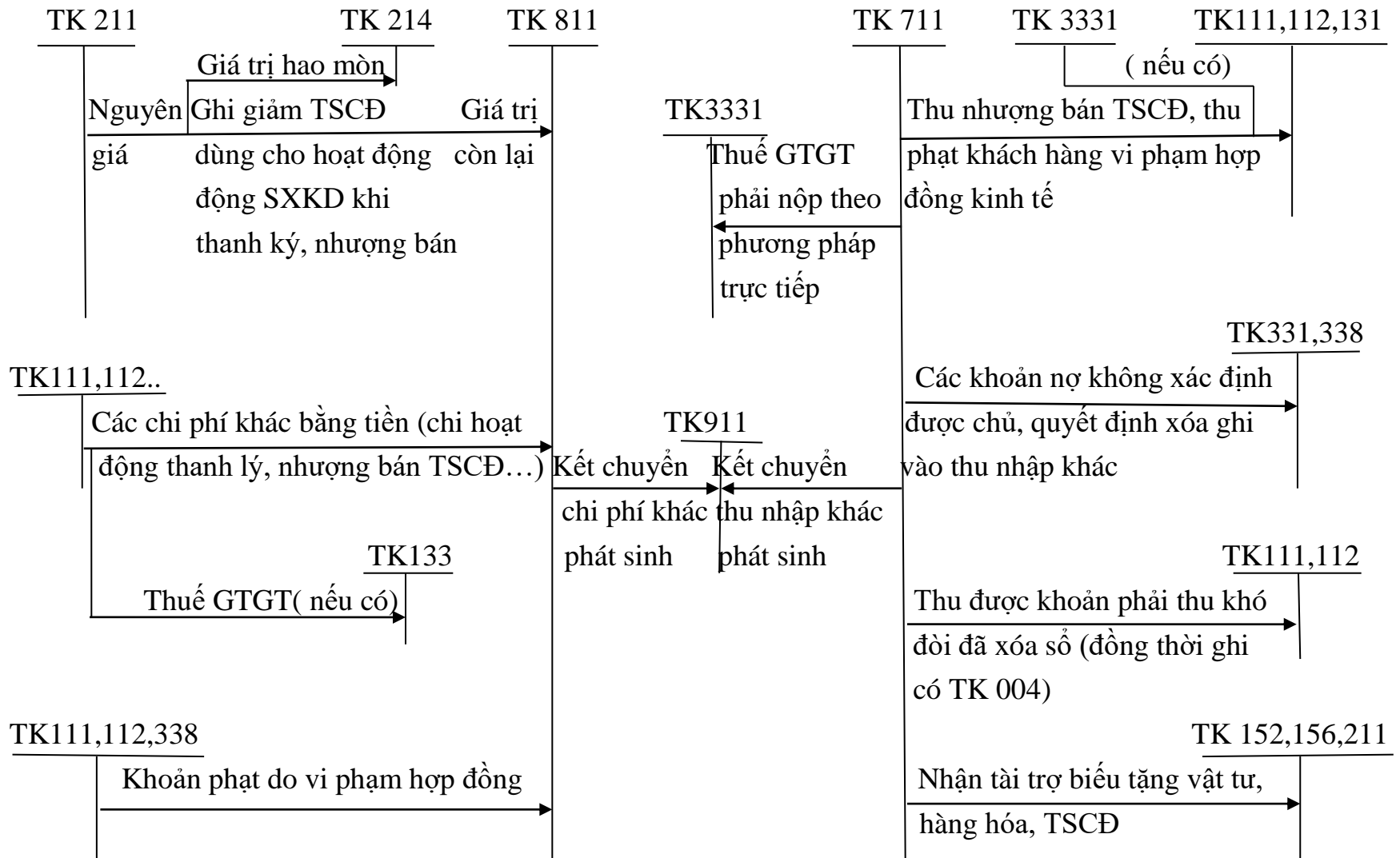
Kết cấu tài khoản 811:

*** Bên Nợ:** - Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.

*** Bên Có:** - Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.6 như sau



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

Kết cấu tài khoản 911:

*** Bên Nợ:**

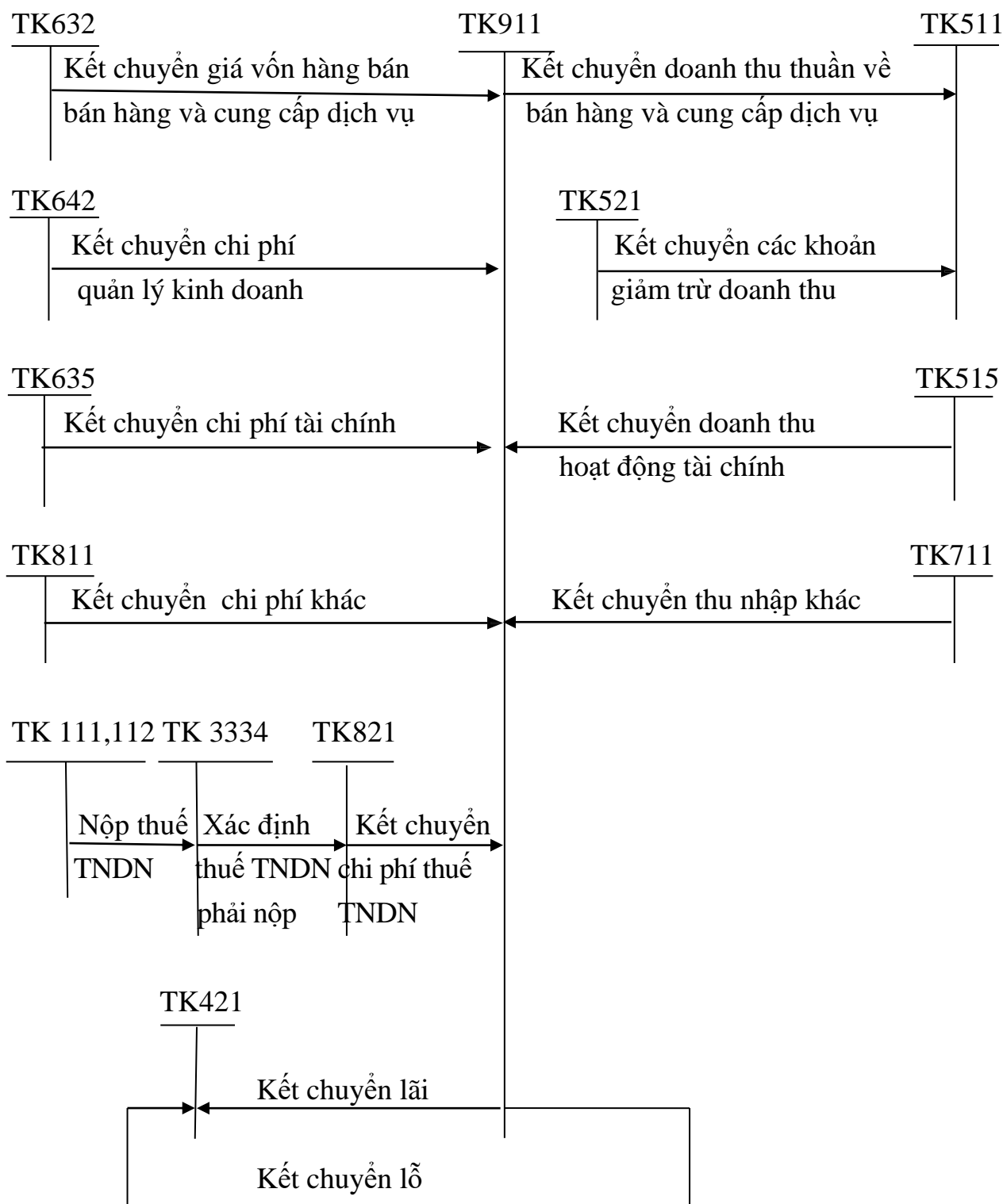
- Kết chuyển trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã cung cấp.
- Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Kết chuyển chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi sau thuế.

*** Bên Có:**

- Kết chuyển doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.7 như sau



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

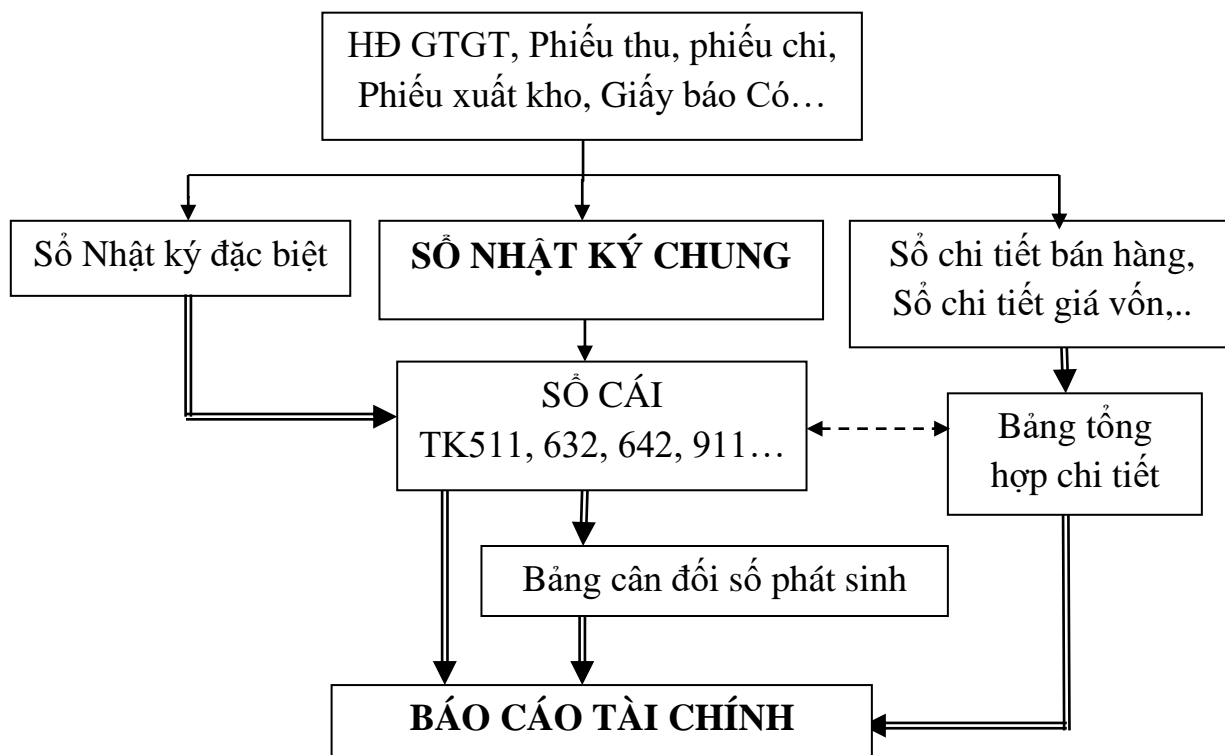
1.2.7. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.7.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng các sổ sau:

- Nhật ký chung
- Sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ 1.8 như sau



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : ———→

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : ==>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra : <-.->

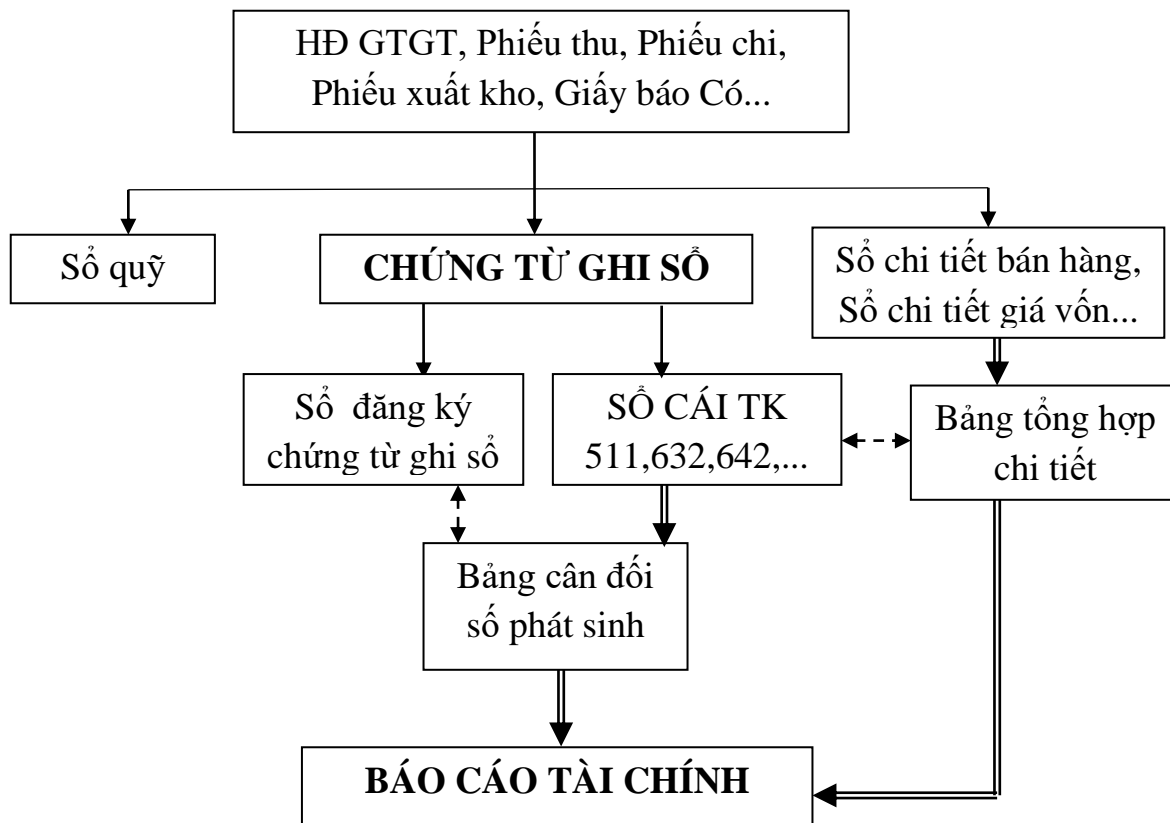
Sơ đồ 1.8: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung

1.2.7.2. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng các sổ sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ Cái

Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Chứng từ ghi sổ được thể hiện qua sơ đồ 1.9 như sau



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : —————>

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : =====>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra : <----->

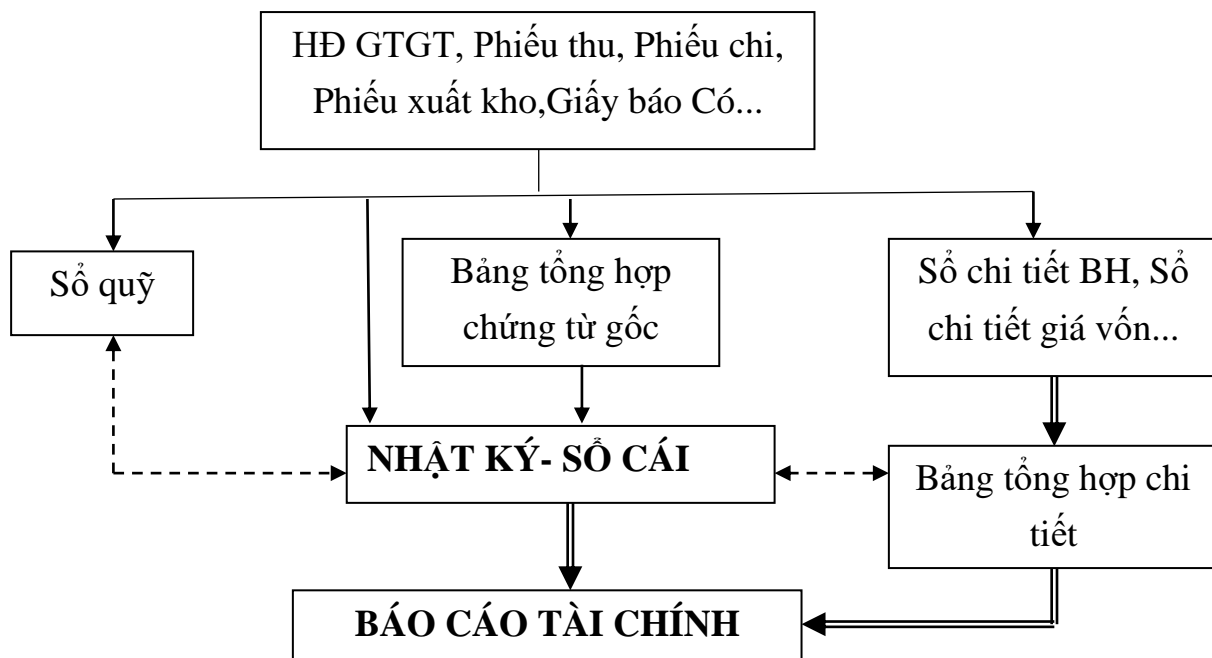
Sơ đồ 1.9: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.2.7.3. Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng sổ sau:

- Sổ nhật ký - Sổ Cái
- Các sổ thể kế toán chi tiết

Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký- Sổ Cái được thể hiện qua sơ đồ 1.10 như sau



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

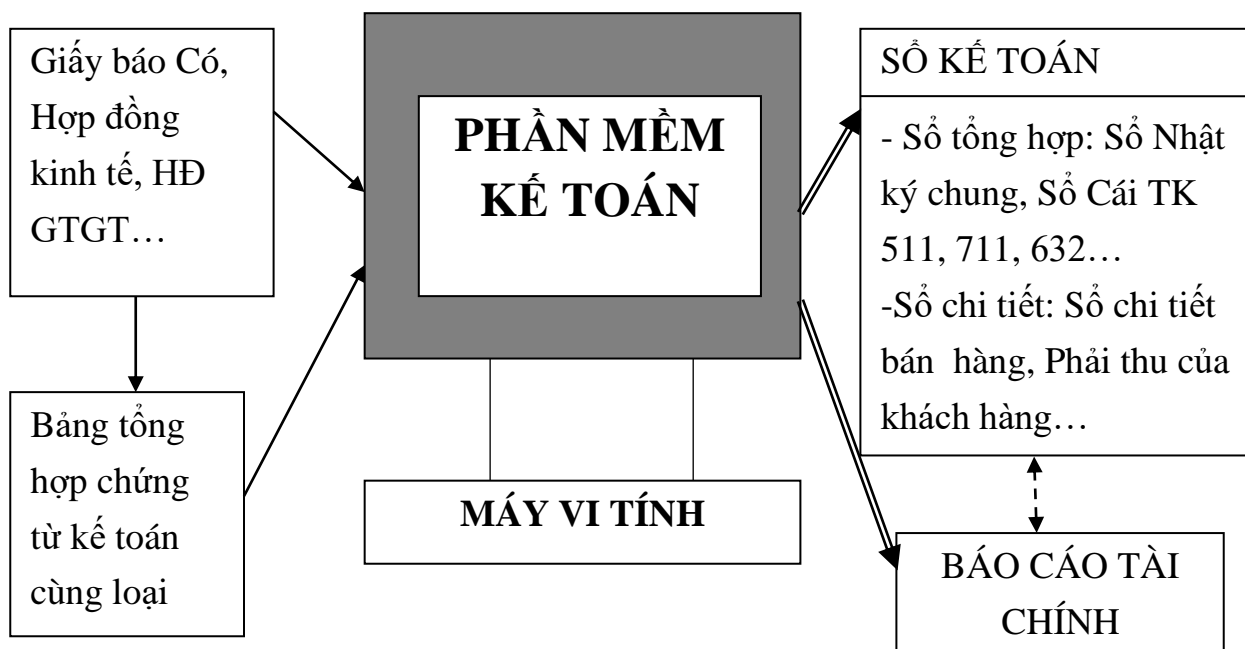
Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra : \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.10: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

1.2.7.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy trên vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy tính thiết kế theo từng hình thức kế toán nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ bằng tay.



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày : \longrightarrow
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm : \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra : \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.11: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Kế toán trên máy vi tính

1.3. Một số điểm khác biệt giữa Thông tư 200 và Quyết định 48 trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế cho Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTC. Theo Điều 1 (Đối tượng áp dụng) của thông tư 200, thông tư này hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang thực hiện kế toán theo Chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ được vận dụng quy định của Thông tư này để kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của mình. Sau đây em xin nêu một số điểm khác biệt giữa thông tư 200 và quyết định 48 trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

- Về phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Thông tư 200 bỏ phương pháp nhập sau xuất trước và bổ sung một kỹ thuật mới xác định giá trị hàng tồn kho đó là

phương pháp giá bán lẻ.

- *Về hình thức kế toán:* theo thông tư 200, tùy theo đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý, doanh nghiệp được tự xây dựng hình thức ghi sổ kế toán và biểu mẫu sổ kế toán cho riêng mình trên cơ sở đảm bảo thông tin về các giao dịch phải được phản ánh đầy đủ, kịp thời, dễ kiểm tra, kiểm soát và đối chiếu.

- *Về tài khoản kế toán:*

- Khi hạch toán các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, theo Thông tư 200 kế toán sử dụng TK 641 - Chi phí bán hàng và TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp trong khi theo Quyết định 48 thì 2 khoản chi phí này được theo dõi trên TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

- Khi hạch toán các khoản dự phòng phải thu khó đòi theo Quyết định 48 kế toán sử dụng TK 159 - Các khoản dự phòng nhưng ở Thông tư 200 bỏ TK 159 và hạch toán các khoản dự phòng trên TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐÔNG NAM Á.

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.

- Tên công ty: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐÔNG NAM Á.
- Người đại diện pháp luật: Phạm Văn Phú
Chức vụ: Giám đốc Công ty
- Địa chỉ doanh nghiệp: số 16 Đà Nẵng, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng
- Mã số thuế: 0200509411
- Điện thoại: 0313550315
- Ngày hoạt động: 01/11/2007
- *Ngành nghề kinh doanh :*
 - + Bán buôn, bán lẻ máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.
 - + Bán buôn, bán lẻ thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; thiết bị công nghệ thông tin.
 - + Dịch vụ cho thuê máy tính, laptop, thiết bị văn phòng.
 - + Dịch vụ lắp đặt hệ thống điện; hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

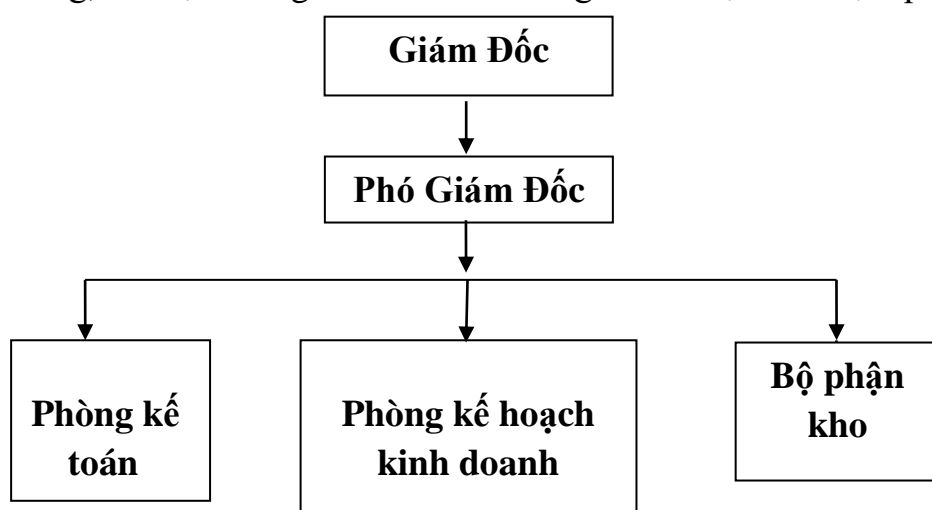
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á được thành lập vào ngày 01/11/2007 do Ủy ban Thành phố Hải Phòng cấp phép, hoàn toàn độc lập về nguồn vốn cũng như năng lực trong suốt thời gian hình thành và phát triển. Sau khi thành lập, công ty đi vào hoạt động trong điều kiện hết sức khó khăn. Nguồn vốn hạn chế, cơ sở vật chất còn nhỏ bé. Với tinh thần trách nhiệm cao và quyết tâm cao của cán bộ công nhân viên trong công ty đã từng bước chinh đốn bộ máy, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Từ khi thành lập đến nay luôn được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh và hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước. Bằng khả năng kinh doanh của mình công ty đã tạo được nhiều uy tín không chỉ ở riêng Hải Phòng mà còn ở trên toàn quốc.

Hoạt động của công ty theo Luật doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật. Chính thức đi vào hoạt động kinh doanh từ năm 2007 trong nền kinh tế thị trường đầy biến động và hướng tới khẳng định mình trong một môi trường cạnh tranh quyết liệt với phương châm “ Chất lượng là số 1”, công ty luôn tâm tâm niệm sự hài lòng và niềm tin của khách hàng vào công ty là thứ tài sản quý giá nhất.

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng, chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới được thể hiện qua sơ đồ 2.1.



Nguồn: tài liệu nội bộ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á

Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.

*** Giám đốc**

- Có trách nhiệm thiết lập, duy trì và chỉ đạo việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng trong toàn công ty.
- Xem xét, phê duyệt các chương trình kế hoạch công tác, nội quy, quy định trong công ty và các chiến lược sản xuất kinh doanh, bán hàng do cấp dưới soạn thảo.
- Định hướng hỗ trợ các phòng ban hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

*** Phó Giám đốc**

- Phụ trách công tác đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ và thiết bị phục vụ sản xuất và kinh doanh.
- Trực tiếp tổ chức, quản lý điều hành các phòng ban do yêu cầu của Giám đốc

đề ra.

- Chủ tịch hội đồng bảo hộ lao động, hội đồng sáng kiến cải tiến, phụ trách công tác nâng bậc cho công nhân viên.
- Đảm bảo việc thúc đẩy các bộ phận. công nhân viên trong công ty nhận thức được các yêu cầu về chính sách chất lượng của công ty.

*** Phòng kế toán:**

- Xây dựng các quy chế về quản lý tài chính và kế hoạch trong toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty. Xây dựng phương pháp thực hiện phân bổ chi phí. tính giá thành hàng hóa.
- Huy động và sử dụng vốn các nguồn lực tài chính một cách an toàn, tiết kiệm, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và đảm bảo tuân thủ các quy định Nhà nước.
- Thực hiện tốt công tác kế hoạch kế toán, lập báo cáo quyết toán đúng và đủ theo quy định. Đề xuất các biện pháp để thực hiện công tác kế toán và quản lý tài chính, quản lý kinh tế với hiệu quả cao nhất, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Tuân thủ và giám sát việc thực hiện chế độ kế toán theo chế độ hiện hành.
- Thực hiện chức năng kiểm soát viên tài chính tại công ty. Tổ chức, chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra tài chính thường xuyên và theo quý, 6 tháng và cả năm cho các đơn vị nội bộ.
- Kế toán tổng hợp, lập báo cáo tài chính, thuế gửi các cơ quan quản lý Nhà nước.

*** Phòng kế hoạch kinh doanh**

- Quản lý thị trường và maketting, bán lẻ hàng hóa.
- Tham mưu giúp Giám đốc xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.
- Tham mưu giúp Giám đốc soạn thảo các hợp đồng kinh tế theo đúng nội dung của pháp lệnh hợp đồng kinh tế và các quy định của Nhà nước trước khi trình Giám đốc phê duyệt. Đồng thời giúp Giám đốc giám sát quá trình thực hiện hợp đồng, phát hiện và đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng.

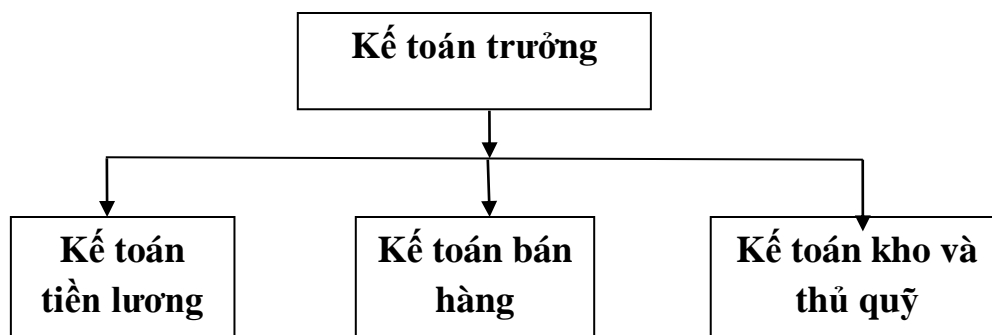
*** Bộ phận kho:**

- Quản lý xuất nhập tồn và mua hàng, bán hàng.

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á

Bộ máy kế toán của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á được tổ chức theo mô hình gọn nhẹ, giúp cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản lý trong việc ra quyết định.

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán.



Nguồn: Tài liệu nội bộ Công ty Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á

Chức năng, nhiệm vụ từng kế toán:

Kế toán trưởng:

Là người phụ trách chung công tác kế toán của công ty. là người chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo trực tiếp bộ máy kế toán toàn công ty, tổ chức hướng dẫn các nghiệp vụ cũng như việc nghiên cứu triển theo chế độ kế toán hiện hành. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc và Nhà nước về tổ chức công tác kế toán tài chính. hướng dẫn kiểm tra tình hình thực hiện các chế độ kế toán của Nhà nước, lập báo tài chính, xét duyệt các báo cáo kế toán của công ty trước khi gửi tới cơ quan chức năng, tham gia góp ý kiến với lãnh đạo về hoạt động tài chính để có biện pháp quản lý. đầu tư kịp thời. có hiệu quả.

Kế toán tiền lương:

Tổ chức hạch toán ban đầu về lao động tiền lương. tổ chức ghi chép ban đầu, ghi sổ kế toán, báo cáo phân tích thông tin về lao động tiền lương với Giám đốc. Trích bảo hiểm xã hội. bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn trong chi phí. từ đó tính lương phải trả cho nhân viên. Đánh giá kịp thời. đầy đủ. chính xác làm cơ sở hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp. Lựa chọn các phương thức thanh toán hợp lý với đặc điểm yêu cầu quản lý của doanh nghiệp đồng thời

cung cấp tài liệu cho việc phân tích hoạt động kinh doanh, tình hình quản lý và sử dụng quỹ tiền lương.

Kế toán bán hàng:

Ghi chép, phản ánh đầy đủ kịp thời và chính xác tình hình bán hàng của doanh nghiệp trong kỳ. Tính toán phản ánh chính xác tổng giá thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, từng khách hàng, từng đơn vị trực thuộc. Xác định chính xác giá mua thực tế của lượng hàng đã tiêu thụ đồng thời phân bổ chi phí thu mua cho hàng tiêu thụ. Cuối tháng thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Kiểm tra đơn đốc tình hình thu hồi và quản lý nợ, theo dõi chi tiết theo từng khách hàng, lô hàng, số tiền khách nợ, thời hạn và tình hình trả nợ.

Kế toán kho và thủ quỹ:

Có trách nhiệm quản lý và theo dõi các loại hàng hóa và doanh thu có trong kho của doanh nghiệp, theo dõi tình hình nhập- xuất- tồn kho hàng hóa và các sổ sách kế toán có liên quan tới kho của doanh nghiệp.

Đồng thời có nhiệm vụ theo dõi công việc thu- chi của công ty và chịu trách nhiệm thu- chi tiền mặt của công ty khi có chứng từ hợp lệ. Chi trả lương cho nhân viên đúng thời hạn quy định. Theo dõi việc giao dịch cho ngân hàng để đảm bảo cho quá trình hoạt động kinh doanh có thể diễn ra liên tục.

2.1.3.2. Chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á

- Hình thức kế toán: Nhật ký chung
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Đơn vị tiền tệ: đồng Việt Nam.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho thực hiện theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Giá trị hàng xuất kho được xác định theo phương pháp : Bình quân gia quyền liên hoàn.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ : Khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao xác định phù hợp theo thông tư số 203/2009/QĐ-BTC

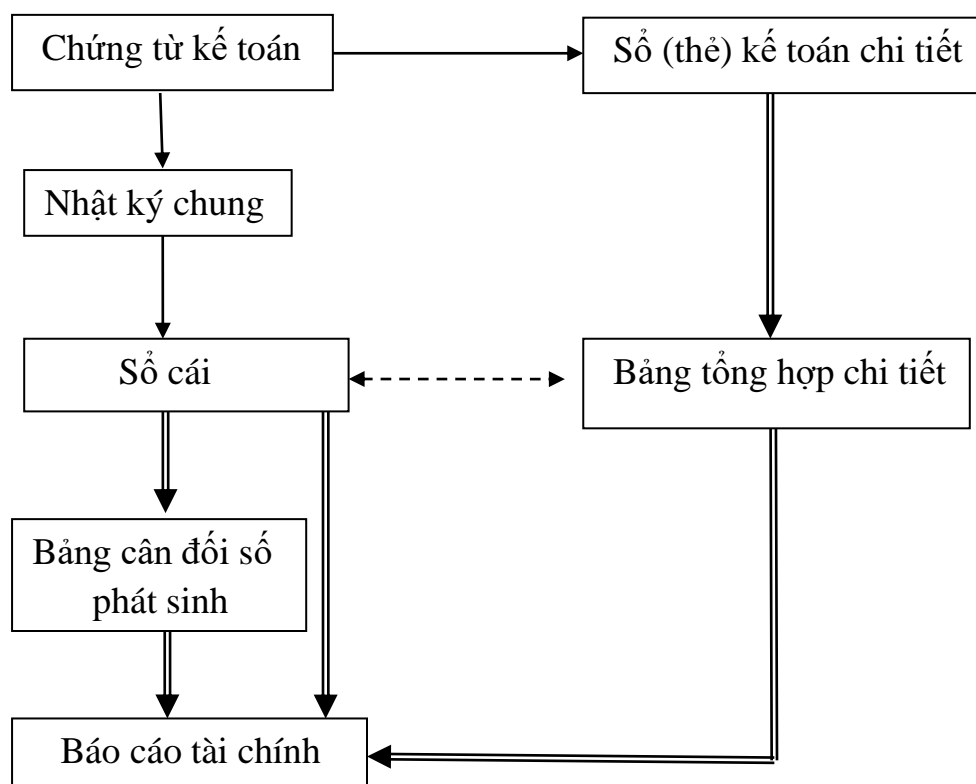
của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Tổ chức hệ thống chứng từ và hệ thống tài khoản.

Công ty tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính.

2.1.3.3. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung để ghi sổ kế toán. Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được mô tả qua sơ đồ sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ: \Longrightarrow

Kiểm tra, đối chiếu: \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản phù hợp.
- Cuối tháng cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu được dùng để lập Báo cáo tài chính.

2.1.3.4. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo mẫu quy định của Bộ tài chính bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01- DNN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02- DNN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03- DNN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09- DNN)

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.

2.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.

Công ty TNHH thương mại Dịch vụ Đông Nam Á là công ty thương mại và dịch vụ. Doanh thu của công ty từ nhiều nguồn khác nhau nhưng được chia làm các mảng chính:

- Doanh thu bán hàng: Các thiết bị điện tử; thiết bị ngoại vi máy tính, phần mềm. Đây là nguồn doanh thu chính của Công ty.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Dịch vụ cho thuê máy tính, các thiết bị văn phòng; dịch vụ lắp đặt hệ thống điện, nước, điều hòa.. Doanh thu này mang lại không nhiều.

Phương thức thanh toán tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á gồm tiền mặt và chuyển khoản.

2.2.1.2. Chứng từ sử dụng.

Hóa đơn GTGT(Mẫu số 01- GTKT3/001)

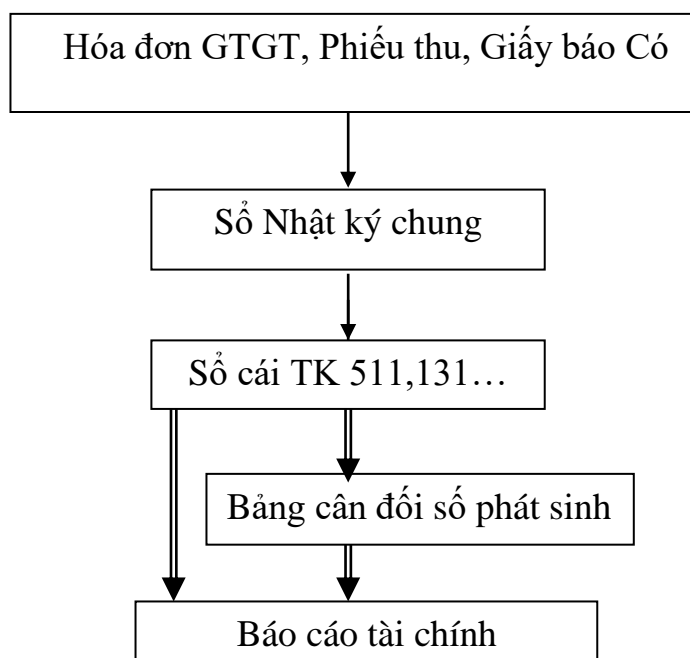
- Hợp đồng mua bán hàng hóa

- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu, Giấy báo có của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng.

- TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
- Các tài khoản khác có liên quan như: TK 111, 112, 131...

2.2.1.4. Quy trình hạch toán.



Ghi chú:

Ghi số hàng ngày: →

Ghi số cuối tháng: ==>

Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ, Hóa đơn GTGT, Phiếu thu, Giấy báo Có... kế toán ghi số liệu vào Sổ Nhật ký chung. Sau đó, căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái TK511 và các tài khoản liên quan. Cuối tháng kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ Cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Cuối tháng, cuối quý hoặc cuối năm, khi đã tổng hợp số liệu trên Bảng cân đối số phát sinh và sổ cái thì lập Báo cáo tài chính.

2.2.1.5. Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.1: Ngày 10/10/2015 Công ty bán 6 chiếc máy tính Asus F454LA i3 4005U cho công ty TNHH Hưng Đạt với đơn giá 9.890.000/ chiếc (chưa có VAT 10%), đã thu bằng chuyển khoản.

Kế toán phản ánh doanh thu :

Nợ TK 112 : 65.274.000
Có TK 511 : 59.340.000
Có TK 3331 : 5.934.000

Ngày 10/10 kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT số 0000065 (**Biểu số 2.1**) và giao liên 2 hóa đơn này cho khách hàng. Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hưng Đạt chuyển tiền qua ngân hàng, Công ty nhận được Giấy báo Có của ngân hàng Á Châu – chi nhánh Hải Phòng (**Biểu số 2.2**) thông báo về số tiền đã nhận được. Từ hóa đơn GTGT số 0000065, kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.4**). Từ số liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán vào Sổ Cái TK 511 (**Biểu số 2.5**).

Ví dụ 2.2: Ngày 11/10 Công ty bán 1 chiếc máy in phun màu đa năng Epson Me Office 620F cho anh Đỗ Thế Duẩn với đơn giá 3.320.000 (chưa có VAT 10%) đã thu bằng tiền mặt.

Kế toán phản ánh doanh thu:

Nợ TK 111: 3.652.000
Có 511 : 3.320.000
Có 3331 : 332.000

Ngày 11/10 kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT số 0000066 (**Biểu số 2.3**), giao liên 2 hóa đơn này cho khách hàng và lập Phiếu thu 23/10 (**Biểu số 2.4**). Từ hóa đơn GTGT số 0000066, Phiếu thu 23/10 kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.5**). Từ số liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ Cái TK 511 (**Biểu số 2.6**)

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01 GTKT3/001

Liên 2: Giao cho khách hàng

Ký hiệu: AA/15P

Số HĐ: 0000065

Ngày 10 tháng 10 năm 2015

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á Mã số thuế: 0200509411 Địa chỉ: số 16 Đăng, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng Số tài khoản: 00345627896 Tại Ngân hàng Á Châu- CN Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Lê Văn Chung Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hưng Đạt Địa chỉ: Thủy Sơn, Thủy Nguyên, Hải Phòng Số tài khoản:..... Hình thức thanh toán: CK Mã số thuế: 003356102					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Máy tính Asus F454LA i3 4005U	Cái	6	9.890.000	59.340.000
/					
Cộng thành tiền					59.340.000
Thuế GTGT 10%					5.934.000
Tổng cộng					65.274.000
Bằng chữ: Sáu mươi năm triệu hai trăm bảy mươi tư nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000065

GIAY BAO CO



HUONG

Ngày 10/10/2015 Ma GDV TRAN LAN

Ma KH 47154

So GD 7119 Chi nhánh Hong Bang- Hai Phong

Kinh gui: CTY TNHH Thuong mai Dich vu Dong Nam A

Ma so thue : 0200509411

Hôm nay chúng tôi xin thông báo ghi CO tài khoản của khách hàng với nội dung như sau

So tai khoan ghi co 216080959

So tien bang so: 65,274,000

So tien bang chu: Sau muoi nam trieu hai tram bay muoi tu nghin dong chan

Nội dung: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hưng Đạt thanh toán tiền mua hàng ngày 10/10/2015

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.2: GBC ngày 10/10/2015 của Ngân hàng Á Châu chi nhánh Hồng Bàng- Hải Phòng

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 Liên 2: Giao cho khách hàng
 Ngày 11 tháng 10 năm 2015

Mẫu số: 01 GTKT3/001
 Ký hiệu: AA/15P
 Số HĐ: 0000066

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á
 Mã số thuế: 0200509411
 Địa chỉ: số 16 Đằng, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
 Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng: Đỗ Thế Duẩn
 Tên đơn vị: Salon ô tô Thanh Duẩn
 Địa chỉ: 80 Nguyễn Văn Linh- Lê Chân – Hải Phòng
 Số tài khoản:.....
 Hình thức thanh toán: TM

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Máy in phun màu đa năng Epson Me Office 620F	Cái	1	3.320.000	3.320.000
Cộng thành tiền					3.320.000
Thuế GTGT 10%					332.000
Tổng cộng					3.652.000
Bằng chữ: Ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng chẵn					

Người mua hàng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT số 0000066

Công ty TNHH Thương mại

Mẫu số 02- TT

Dịch vụ Đông Nam Á

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Số 16 Đà Nẵng, Máy Tơ

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

MST: 0200509411

PHIẾU THU

Quyển số: 02

Ngày 11/10/2015

Số CT: PT23/10

Nợ 111: 3.652.000

Có 511: 3.320.000

Có 111: 332.000

Họ và tên người nộp tiền: Đỗ Thế Duẩn

Địa chỉ: Salon ô tô Thanh Duẩn (80 Nguyễn Văn Linh- Lê Chân - Hải Phòng)

Lý do nộp: Thanh toán tiền mua máy in

Số tiền:**3.652.000**

Bằng chữ:*Ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng chẵn*

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền:**3.652.000**

Ngày 10/10/2015

Thủ trưởng đơn vị **Kế toán trưởng** **Người lập phiếu** **Thủ quỹ** **Người nộp**
 (Ký tên, đóng dấu) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu số 2.4: Phiếu thu số 23/10

Công ty TNHH Thương mại
 Dịch vụ Đông Nam Á

Mẫu số: S03a – DNN
 (Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ- BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Phát sinh quý 4			
			...			
10/10	PC58/10	10/10	Mua giấy in	642 133 111	2.181.818 218.182	2.400.000
10/10	GBC10/10	10/10	Doanh thu bán máy tính Asus F454LA i3 4005U cho công ty TNHH TM và DV Hưng Đạt	112 511 3331	65.274.000	59.340.000 5.934.000
10/10	PXK116/10	10/10	Giá vốn hàng bán	632 156	43.215.000	43.215.000
10/10	PC59/10	10/10	Chi phí vận chuyển hàng bán	642 111	2.000.000	2.000.000
11/10	PT23/10	11/10	Doanh thu bán máy in phun màu đa năng Epson Me Office 620F cho khách hàng	111 511 3331	3.652.000	3.320.000 332.000
11/10	PXK117/10		Giá vốn hàng bán	632 156	2.410.000	2.410.000
			...			
			Cộng số phát sinh cả năm		22.524.360.000	22.524.360.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5 : Sổ Nhật ký chung(trích)

Công ty TNHH Thương mại
Dịch vụ Đông Nam Á

Mẫu số: S03b- DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ_BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2015

TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp Dịch vụ

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Phát sinh quý 4			
			...			
10/10	GBC10/10	10/10	Bán máy tính Asus F454LA i3 4005U cho công ty TNHH TM và DV Hưng Đạt	112		59.340.000
11/10	PT23/10	11/10	Bán máy in phun màu đa năng Epson Me Office 620F cho khách hàng			3.320.000
12/10	HD0000067	12/10	Bán lô hàng máy tính Apple và Dell cho công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tây Ninh	131		183.240.000
			...			
31/12	PKT15/12	31/12	Kết chuyển DT năm 2015	911	3.509.744.000	
			Cộng số phát sinh cả năm		3.509.744.000	3.509.744.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.6: Sổ cái TK 511 (trích)

2.2.2. Kế toán giá vốn bán hàng tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.

2.2.2.1. Nội dung giá vốn bán hàng tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.

Việc tính toán trị giá vốn hàng xuất bán có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi có tính toán đúng trị giá vốn hàng xuất bán mới xác định chính xác kết quả bán hàng. Hơn nữa, trị giá vốn của hàng xuất bán thường chiếm tỷ trọng chủ yếu trong kỳ kinh doanh.

Giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á là trị giá vốn hàng hóa xuất bán. Công ty áp dụng phương pháp tính trị giá hàng thực tế xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn. Phương pháp này vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán, vừa phản ánh được tình hình biến động của giá cả.

2.2.2.2. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu xuất kho;
- Các chứng từ khác có liên quan.

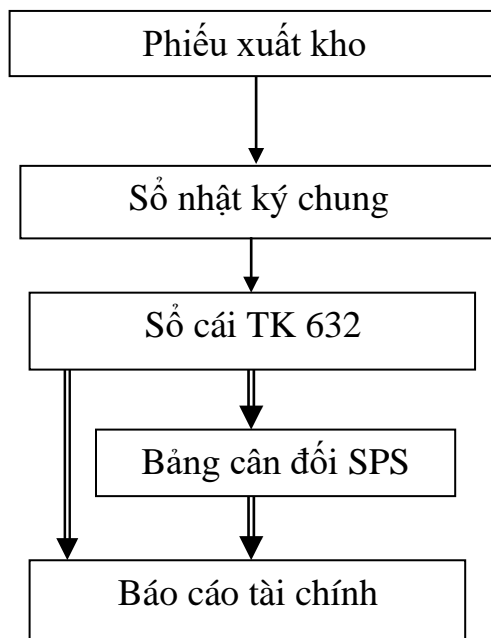
2.2.2.3. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”

Tài khoản 156 “Giá vốn hàng hóa”

2.2.2.4. Quy trình hạch toán.

Quy trình hạch toán giá vốn tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á được thể hiện qua sơ đồ 2.5



Ghi chú :

Ghi sổ hàng ngày \longrightarrow

Ghi sổ cuối tháng \Longrightarrow

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.

Hàng ngày, căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán ghi số liệu vào Sổ Nhật ký chung. Sau đó, căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái TK 632 và các tài khoản liên quan.

Cuối tháng kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ Cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Cuối tháng, cuối quý hoặc cuối năm, khi đã tổng hợp số liệu trên Bảng cân đối số phát sinh và sổ cái thì lập Báo cáo tài chính.

2.2.2.5. Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.3: (Minh họa tiếp nghiệp vụ giá vốn của nghiệp vụ 2.1)

Ngày 10/10/2015 Công ty bán 6 chiếc máy tính Asus F454LA i3 4005U cho công ty TNHH Hưng Đạt với đơn giá 9.890.000/ chiếc (chưa có VAT 10%), đã thu bằng chuyển khoản.

- ***Cách xác định giá vốn*** (Theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn)
Tồn đầu tháng 10 là 3 chiếc (Đơn giá 7.500.000)

Ngày 02/10: Nhập kho 7 chiếc (Đơn giá 7.200.000)

$$\begin{aligned} \text{Ngày 3/10: Xuất kho 7 chiếc với đơn giá xuất:} &= \frac{(7.500.000 * 3 + 7.200.000 * 7)}{(3+7)} \\ &= 7.290.000 \end{aligned}$$

Ngày 3/10 tồn kho là 3 chiếc (Đơn giá 7.290.000)

Ngày 8/10: Nhập kho 5 chiếc (Đơn giá 7.150.000)

$$\begin{aligned} \text{Ngày 10/10: Xuất kho 6 chiếc với đơn giá xuất:} &= \frac{(7.290.000 * 3 + 7.150.000 * 5)}{(3+5)} \\ &= 7.202.500. \end{aligned}$$

Tổng trị giá xuất = 6*7.202.500 = 43.215.000

Kế toán phản ánh giá vốn:

Nợ 632 : 43.215.000

Có 156: 43.215.000

Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 116/10 (**Biểu 2.8**), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.9**). Từ số liệu trên vào Sổ Cái TK 632 (**Biểu 2.10**)

Ví dụ 2.4: (Minh họa tiếp nghiệp vụ giá vốn của nghiệp vụ 2.2)

Ngày 11/10 Công ty bán 1 chiếc máy in phun màu đa năng Epson Me Office 620F cho anh Đỗ Thế Duẩn với đơn giá 3.320.000 (chưa có VAT 10%) đã thu bằng tiền mặt.

- **Cách xác định giá vốn** (Theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn)

Tồn đầu tháng 10 là 2 chiếc (Đơn giá 2.350.000)

Ngày 05/10: Nhập kho 3 chiếc (Đơn giá 2.500.000)

Ngày 11/10: Xuất kho 1 chiếc với đơn giá xuất:

$$\begin{aligned} &= \frac{(2.350.000 * 3 + 2.500.000 * 2)}{(3+2)} = 2.410.000 \end{aligned}$$

Tổng trị giá xuất kho: 2.410.000

Kế toán phản ánh giá vốn:

Nợ 632: 2.410.000

Có 156: 2.410.000

Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 117/10 (**Biểu 2.8**), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.9**). Từ số liệu trên vào Sổ Cái TK 632 (**Biểu 2.10**).

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ
Đông Nam Á

Mẫu số: 02 – VT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Nợ: 632

Có: 156

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 10 tháng 10 năm 2015

Số: 116/10

- Họ và tên người nhận hàng: Trịnh Nam Anh
- Địa chỉ: Phòng Kế hoạch kinh doanh
- Lý do xuất kho: Bán hàng
- Xuất tại kho: Kho 1

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Máy tính Asus F454LA i3 4005U	Cái	6	7.202.500	43.215.000
	Cộng		6		43.215.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Bốn mươi ba triệu hai trăm mười năm nghìn đồng chẵn

Ngày 10 tháng 10 năm 2015

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho số 116/10

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ
 Đông Nam Á
 Địa chỉ: số 16 Đà Nẵng, phường Máy Tơ,
 quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 02 – VT
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Nợ: 632

Có: 156

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 11 tháng 10 năm 2015

Số: 117/10

- Họ và tên người nhận hàng: Trịnh Nam Anh
- Địa chỉ: Phòng Kế hoạch kinh doanh
- Lý do xuất kho: Bán hàng
- Xuất tại kho: Kho 1

ST T	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Máy in phun màu đa năng Epson Me Office 620F	cái	1	2.410.000	2.410.000
	Cộng		6		2.410.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu bốn trăm mười nghìn đồng chẵn.

Ngày 11 tháng 10 năm 2015

Người lập phiếu
 (Ký, họ tên)

**Người nhận
hàng**
 (Ký, họ tên)

Thủ kho
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
**(Hoặc bộ phận
có nhu cầu xuất)**
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên)

Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho số 117/10

Công ty TNHH Thương mại
 Dịch vụ Đông Nam Á
 Địa chỉ: số 16 Đà Nẵng, phường Máy Tơ,
 quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DNN
 (Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ- BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Phát sinh quý 4			
			...			
10/10	PC58/10	10/10	Mua giấy in	642 133 111	2.181.818 218.182	2.400.000
10/10	GBC10/10	10/10	Doanh thu bán máy tính Asus F454LA i3 4005U cho công ty TNHH TM và DV Hưng Đạt	112 511 3331	65.274.000	59.340.000 5.934.000
10/10	PXK116/10	10/10	Giá vốn hàng bán	632 156	43.215.000	43.215.000
10/10	PC59/10	10/10	Chi phí vận chuyển hàng bán	642 111	2.000.000	2.000.000
11/10	PT23/10	11/10	Doanh thu bán máy in phun màu đa năng Epson Me Office 620F cho khách hàng	111 511 3331	3.652.000	3.320.000 332.000
11/10	PXK117/10		Giá vốn hàng bán	632 156	2.410.000	2.410.000
			...			
			Cộng số phát sinh cả năm		22.524.360.000	22.524.360.000

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
 Giám đốc
 (Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.9: Sổ Nhật ký chung (trích)

Công ty TNHH Thương mại
 Dịch vụ Đông Nam Á

Mẫu số: S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ- BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
 Năm 2015
 TK 632- Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Phát sinh quý 4			
			...			
10/10	PXK116/10	10/10	Giá vốn bán máy tính Asus F454LA i3 4005U cho công ty TNHH TM và DV Hưng Đạt	156	43.215.000	
11/10	PXK117/10		Giá vốn hàng bán máy in phun màu đa năng Epson Me Office 620F cho khách hàng	156	2.410.000	
12/10	PXK118/10	12/10	Giá vốn lô hàng máy tính Apple và Dell cho công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tây Ninh	156	138.560.0000	
			...			
31/12	PKT15/12	31/12	Kết chuyển giá vốn năm 2015	911		2.853.235.000
			Cộng số phát sinh cả năm		2.853.235.000	2.853.235.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.10: Sổ cái tài khoản 632 (trích)

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á

2.2.3.1. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng: chi phí chào bán, bảo quản, vận chuyển... và các chi phí về lương nhân viên bán hàng, quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

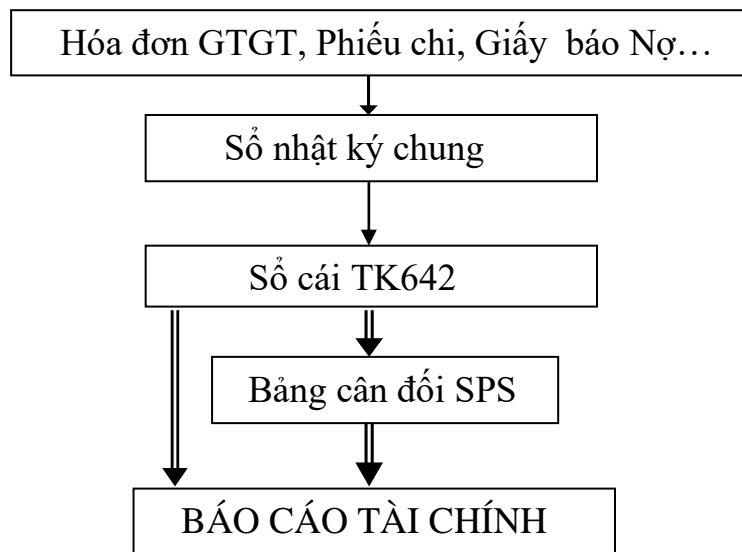
2.2.3.2. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, Giấy báo nợ
- Bảng phân bổ tiền lương và Bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.3.3. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”

2.2.3.4. Quy trình hạch toán.



Ghi chú :

Ghi số hàng ngày \longrightarrow

Ghi số cuối năm \Longrightarrow

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo Nợ của Ngân hàng, kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung.

Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 642.

Cuối tháng cộng số phát sinh trên sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm lập Báo cáo tài chính.

2.2.3.5. Ví dụ minh họa.

Ví dụ 2.5:

Ngày 10/10/2015, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á mua giấy in, tổng số tiền phải trả là 2.400.000(bao gồm thuế GTGT 10%), đã thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 2.181.818

Nợ TK 133: 218.182

Có TK 111: 2.400.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000136 (**Biểu số 2.11**), Phiếu chi 58/10 (**Biểu số 2.12**), kế toán phản ánh bút toán ghi Nợ 642 vào sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.13**) và từ đó ghi vào sổ cái TK 642 (**Biểu số 2.14**).

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 Liên 2: Giao cho khách hàng
 Ngày 10 tháng 10 năm 2015

Mẫu số: 01 GTKT-3LL
 Ký hiệu: AA/15P
 Số HĐ: 0000136

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH một thành viên TM và DV Thăng Thảo Mã số thuế: 02005775597 Địa chỉ: 93 Hùng Duệ Vương- Thượng Lý- Hồng Bàng- Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại: 0313.221.701 MS: 0200138319					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thùy Trang Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á Địa chỉ: số 16 Đằng, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng Số tài khoản:..... Hình thức thanh toán: TM Mã số thuế: 0200509411					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Giấy Trường Xuân A4	Gram	50	43.636	2.181.818
Cộng thành tiền					2.181.818
Thuế GTGT 10%					218.182
Tổng cộng					2.400.000
Bằng chữ: Hai triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.11: Hóa đơn GTGT số 0000136

Công ty TNHH Thương mại

Mẫu số 02- TT

Dịch vụ Đông Nam Á

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Số 16 Đà Nẵng, Máy Tơ

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

MST: 0200509411

PHIẾU CHI

Ngày 10/10/2015

Quyển số: 02

Số CT: PC 58/10

Nợ 642: 2.181.818

Nợ 133: 218.182

Có 111: 2.400.000

Người nhận tiền: Nguyễn Thùy Trang

Địa chỉ: Phòng Kế toán

Lý do chi: Trả tiền mua giấy in

Số tiền: **2.400.000**

Bằng chữ: *Hai triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn*

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền: **2.400.000**

Ngày 10/10/2015

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Thủ quỹ Người nhận

(Ký tên, đóng dấu) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu số 2.12: Phiếu chi số 58/10

Công ty TNHH Thương mại
Dịch vụ Đông Nam Á

Mẫu số: S03a – DNN
(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Phát sinh quý 4			
			...			
10/10	PC58/10	10/10	Mua giấy in	642 133 111	2.181.818 218.182	2.400.000
10/10	GBC10/10	10/10	Doanh thu bán máy tính Asus F454Lai3 4005U cho công ty TNHH TM và DV Hưng Đạt	112 511 3331	65.274.000	59.340.000 5.934.000
10/10	PXK116/10	10/10	Giá vốn hàng bán	632 156	43.215.000	43.215.000
10/10	PC59/10	10/10	Chi phí vận chuyển hàng bán	642 111	2.000.000	2.000.000
11/10	PT23/10	11/10	Doanh thu bán máy in phun màu đa năng Epson Me Office 620F cho khách hàng	111 511 3331	3.652.000	3.320.000 332.000
11/10	PXK117/10	11/10	Giá vốn hàng bán	632 156	2.410.000	2.410.000
			...			
			Cộng số phát sinh cả năm		22.524.360.000	22.524.360.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.13 : Sổ Nhật ký chung (trích)

Công ty TNHH Thương mại
Dịch vụ Đông Nam Á

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Năm 2015
TK 642- Chi phí quản lý kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Phát sinh quý 4			
			...			
10/10	PC58/10	10/10	Mua giấy in	111	2.181.818	
10/10	PC59/10	10/10	Chi phí vận chuyển hàng bán	111	2.000.000	
11/10	PC60/10	11/10	Chi mua văn phòng phẩm	111	230.000	
12/10	PC61/10	12/10	Phí lắp đặt thuê qua mạng	111	2.160.000	
			...			
31/12	PKT16/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh năm 2015	911		462.285.886
			Cộng số phát sinh cả năm		462.285.886	462.285.886

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.14: Sổ cái TK 642

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.

2.2.4.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính.

- Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu là lãi tiền gửi từ ngân hàng.
- Chi phí hoạt động tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi vay.

2.2.4.2. Chứng từ sử dụng.

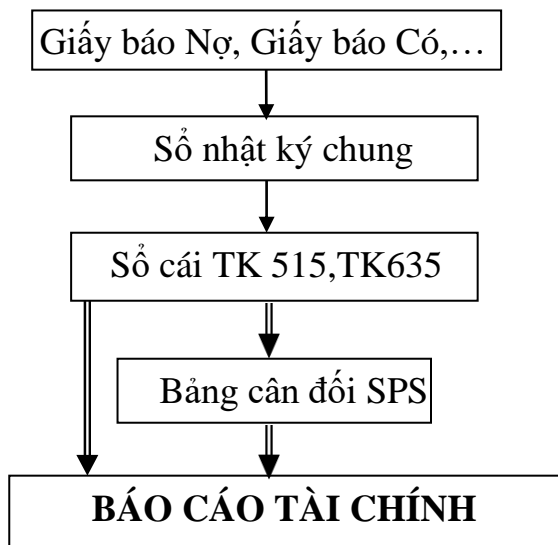
- Phiếu chi
- Giấy báo Có, Giấy báo Nợ của Ngân hàng.
- Các chứng từ khác.

2.2.4.3. Tài khoản sử dụng.

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

2.2.4.4. Quy trình hạch toán.

Quy trình kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á được thể hiện qua sơ đồ 2.7 dưới đây.



Ghi chú

- Ghi sổ hàng ngày : \longrightarrow
- Ghi sổ cuối năm : \Longrightarrow

Sơ đồ 2.7: Quy trình kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính của công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ như phiếu báo Nợ, phiếu báo Có, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các TK 515, TK 635,...

Cuối tháng kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ Cái để lập Bảng cân đối số phát sinh, cuối kỳ làm căn cứ dùng để lập Báo cáo tài chính.

2.2.4.5. Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.6: Ngày 25/10 ngân hàng ACB – chi nhánh Hải Phòng trả lãi tiền gửi, số tiền: 234.540 đồng.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 112 : 234.540

Có TK 515 : 234.540

Ví dụ 2.7: Ngày 25/10 Công ty trả tiền lãi vay ngân hàng ACB – chi nhánh Hải Phòng số tiền 2.150.000 đồng.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 635 : 2.150.000

Có TK 112 : 2.150.000

Từ GBC ngày 25/10 (**Biểu số 2.15**), kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.16**). Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 515 (**Biểu số 2.17**).

Từ GBN ngày 25/10 (**Biểu số 2.16**) kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.19**). Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ Cái TK 635 (**Biểu số 2.20**).

GIAY BAO CO



Ngày 25/10/2015 Ma GDV LE THI AN

Ma KH 47154

So GD 7119 Chi nhánh Hong Bang- Hai Phong

Kinh gui: CTY TNHH Thuong mai Dich vu Dong Nam A

Ma so thue : 0200509411

Hôm nay chúng tôi xin thông báo ghi CO tài khoản của khách hàng với nội dung như sau

So tai khoan ghi co 216080959

So tien bang so: 234.540

So tien bang chu: Hai tram ba muoi tu nghìn lam tram bon muoi dong.

Nội dung: Lãi nhập vốn

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.15: GBC ngày 25/10/2015 của Ngân hàng Á Châu chi nhánh Hồng Bàng - Hải Phòng

Công ty TNHH Thương mại
Dịch vụ Đông Nam Á

Mẫu số: S03a – DNN
(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT K	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Phát sinh quý 4			
			...			
25/10	GBC2510	25/10	Tiền lãi gửi tháng 10	112 515	234.540	234.540
25/10	GBN2510	25/10	Trả lãi tiền vay Ngân hàng tháng 10	635 112	2.150.000	2.150.000
25/10	PT127/10	25/10	Doanh thu bán máy in 2900LSR 1U cho khách hàng	111 511 3331	1.826.000	1.660.000 166.000
25/10	PXK271/10	25/10	Giá vốn hàng bán	632 156	1.157.000	1.157.000
25/10	PC124/10	25/10	Chi mua thiết bị văn phòng	642 111	2.437.000	2.437.000
			...			
			Cộng số phát sinh cả năm		22.524.360.000	22.524.360.000

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.16 : Sổ Nhật ký chung (trích)

Công ty TNHH Thương mại
 Dịch vụ Đông Nam Á

Mẫu số: S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ- BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
 Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số phát sinh quý 4			
25/10	GBC2510	25/10	Lãi tiền gửi tháng 10	112		234.540
25/11	GBC25/11	25/11	Lãi tiền gửi tháng 11	112		234.540
25/12	GBC25/12	25/12	Lãi tiền gửi tháng 12	112		274.125
31/12	PKT15/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	1.124.355	
			Cộng số phát sinh cả năm		1.124.355	1.124.355

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.17: Sổ cái tài khoản 515

GIAY BAO NO



Ngày 25/10/2015 Ma GDV MAC NHU HA

Ma KH 47154

So GD 7119 Chi nhánh Hong Bang- Hai Phong

Kinh gui: CTY TNHH Thuong mai Dich vu Dong Nam A

Ma so thue : 0200509411

Hôm nay chúng tôi xin thông báo ghi NO tài khoản của khách hàng với nội dung như sau

So tai khoan ghi co 216080959

So tien bang so: 2.150.000

So tien bang chu: Hai trieu mot tram nam muoi nghin dong chan

Noi dung: Tien lai vay thang 10 cua hop dong vay so 37167

Giao dich vien

Kiem soat

Biểu số 2.18: GBN ngày 25/10/2015 của Ngân hàng Á Châu chi nhánh Hồng Bàng - Hải Phòng

Công ty TNHH Thương mại
Dịch vụ Đông Nam Á

Mẫu số: S03a – DNN
(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Phát sinh quý 4			
			...			
25/10	GBC2510	25/10	Tiền lãi gửi tháng 10	112 515	234.540	234.540
25/10	GBN2510	25/10	Trả lãi tiền vay Ngân hàng tháng 10	635 112	2.150.000	2.150.000
25/10	PT127/10	25/10	Doanh thu bán máy in 2900LSR 1U cho khách hàng	111 511 3331	1.826.000	1.660.000 166.000
25/10	PXK271/10	25/10	Giá vốn hàng bán	632 156	1.157.000	1.157.000
25/10	PC124/10	25/10	Chi mua thiết bị văn phòng	642 111	2.437.000	2.437.000
			...			
			Cộng số phát sinh cả năm		22.524.360.000	22.524.360.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.19 : Sổ Nhật ký chung (trích)

Công ty TNHH Thương mại
 Dịch vụ Đông Nam Á

Mẫu số: S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ- BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK 635- Chi phí hoạt động tài chính
 Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số phát sinh quý 4			
25/10	GBN2510	25/10	Trả lãi vay tháng 10	112	2.150.000	
25/11	GBN25/11	25/11	Trả lãi vay tháng 11	112	2.150.000	
25/12	GBN25/12	25/12	Trả lãi vay tháng 12	112	1.175.000	
31/12	PKT16/12	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911		9.278.550
			Cộng số phát sinh cả năm		9.278.550	9.278.550

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.20: Sổ cái tài khoản 635

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á không phát sinh các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.

2.2.6.1. Chứng từ sử dụng.

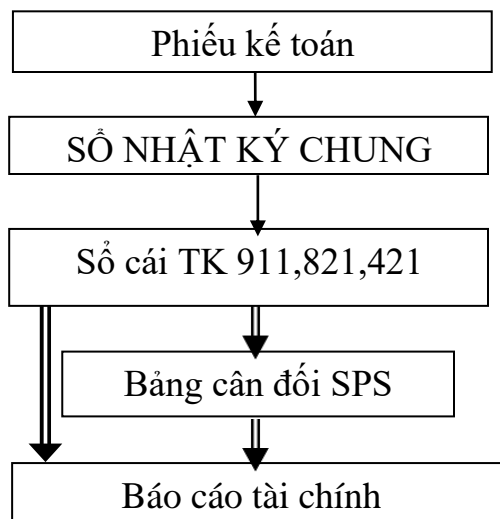
Phiếu kế toán

2.2.6.2. Tài khoản sử dụng.

- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- TK 421- Lợi nhuận chưa phân phối
- Các tài khoản liên quan

2.2.6.3. Quy trình hạch toán.

Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á được thể hiện qua sơ đồ 2.8 dưới đây.



Ghi chú :

Ghi sổ hàng ngày —————>

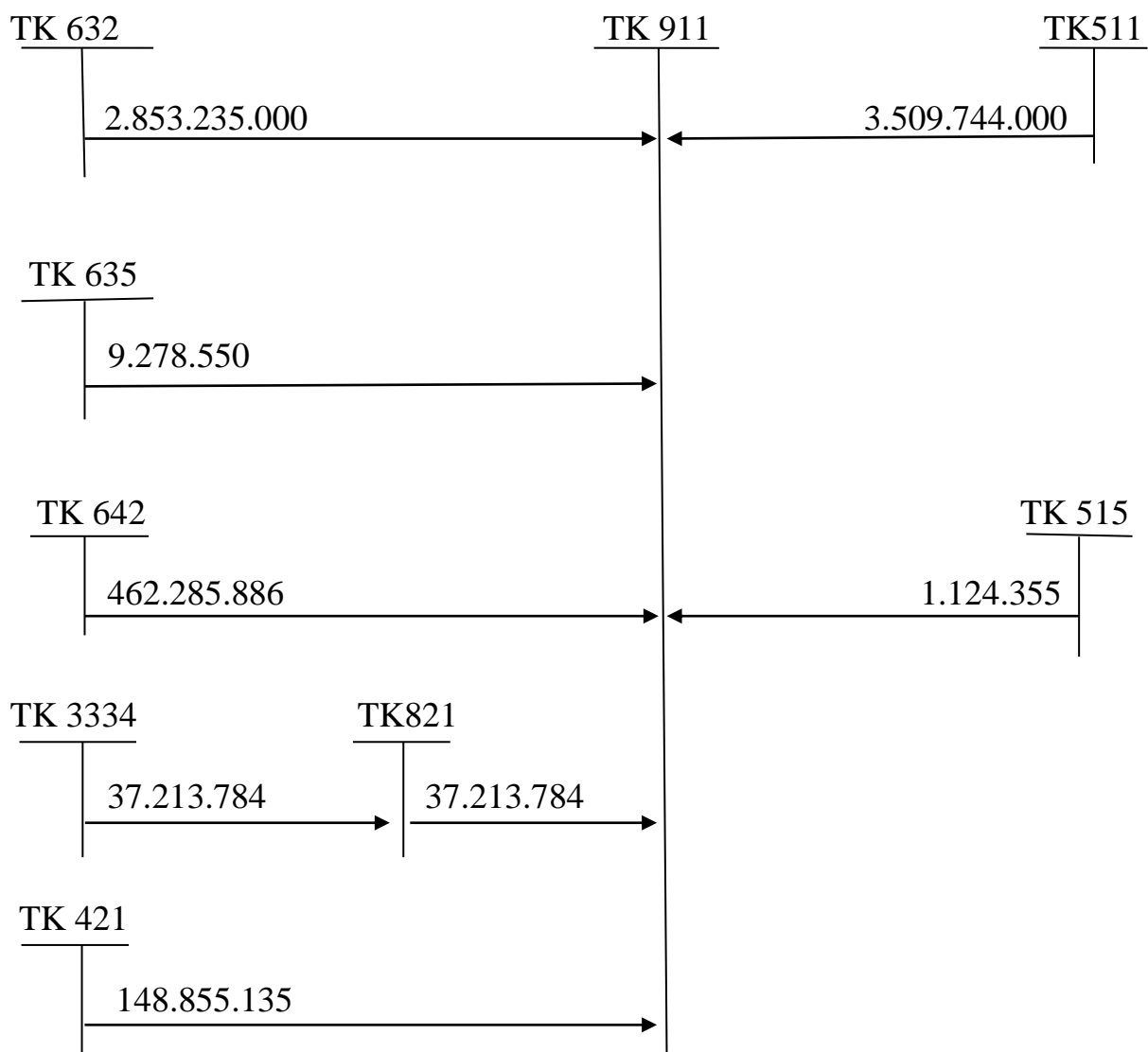
Ghi sổ cuối năm ==>

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á

Cuối kỳ, kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tính toán số liệu thuế TNDN phải nộp (nếu có). Kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung và sổ cái các tài khoản có liên quan.

2.2.6.5. Ví dụ minh họa.

Ngày 31/12 Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh năm 2015.



Sơ đồ 2.9: Sơ đồ các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí năm 2015 tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.

Cuối kỳ kế toán lập phiếu kế toán số 15,16,17,18, 19 (**Biểu 2.22 đến 2.26**). Căn cứ phiếu kế toán trên, kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung. Từ sổ Nhật ký chung ghi vào các sổ Cái của các tài khoản có liên quan.

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số 15/12

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	TK	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính năm 2015	511	3.509.744.000	
	515	1.124.355	
	911		3.510.868.355
Cộng		3.510.868.355	3.510.868.355

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Biểu số 2.21: Phiếu kế toán số 15

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số 16/12

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	TK	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển các khoản chi phí năm 2015	911	3.317.799.436	
	632		2.853.235.000
	635		9.278.550
	642		462.285.886
Cộng		3.317.799.436	3.324.799.436

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Biểu số 2.22: Phiếu kế toán số 16

Công ty TNHH Thương mại
Dịch vụ Đông Nam Á

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số 17/12

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	TK	PS Nợ	PS Có
Xác định thuế TNDN năm 2015	821 3334	37.213.784	37.213.784
Cộng		37.213.784	37.213.784

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Biểu số 2.23: Phiếu kế toán số 17

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số 18/12

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	TK	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển CP thuế TNDN năm 2015	911 821	37.213.784	37.213.784
Cộng		37.213.784	37.213.784

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Biểu số 2.24: Phiếu kế toán số 18

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số 19/12

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	TK	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển lãi 2015	911 421	148.855.135	148.855.135
Cộng		148.855.135	148.855.135

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Biểu số 2.25: Phiếu kế toán số 19

Công ty TNHH Thương mại
Dịch vụ Đông Nam Á

Mẫu số: S03a – DNN
(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Phát sinh trong kỳ			
			...			
31/12	PKT 15/12	31/12	Kết chuyển doanh thu năm 2015	511 911	3.509.744.000	3.509.744.000
			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính năm 2015	515 911	1.124.355	1.124.355
31/12	PKT 16/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán năm 2015	911 632	2.853.235.000	2.853.235.000
			Kết chuyển chi phí tài chính năm 2015	911 635	9.278.550	9.278.550
			Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh năm 2015	911 642	462.285.886	462.285.886
31/12	PKT17/12	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	821 3334	37.213.784	37.213.784
31/12	PKT 18/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN năm 2015	911 821	37.213.784	37.213.784
31/12	PKT 19/12	31/12	Kết chuyển lãi năm 2015	911 421	148.855.135	148.855.135
			...			
			Cộng phát sinh		22.524.360.000	22.524.360.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.26: Sổ Nhật ký chung (trích)

Công ty TNHH Thương mại
Dịch vụ Đông Nam Á

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK 911- Xác định kết quả kinh doanh
Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT 15/12	31/12	Kết chuyển doanh thu năm 2015	511		3.509.744.000
			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính năm 2015	515		1.124.355
31/12	PKT 16/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán năm 2015	632	2.853.235.000	
			Kết chuyển chi phí tài chính năm 2015	635	9.278.550	
			Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh năm 2015	642	462.285.886	
31/12	PKT 18/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN năm 2015	821	37.213.784	
31/12	PKT 19/12	31/12	Kết chuyển lãi năm 2015	421	148.855.135	
			Cộng phát sinh		3.510.868.355	3.510.868.355

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.27: Sổ cái TK 911

Công ty TNHH Thương mại
 Dịch vụ Đông Nam Á

Mẫu số: S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ- BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK 821- Chi phí thuế TNDN

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT17/12	31/12	Xác định thuế TNDN năm 2015	3334	37.213.784	
31/12	PKT18/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		37.213.784
			Cộng số phát sinh cả năm		37.213.784	37.213.784

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.28: Sổ cái TK 821

Công ty TNHH Thương mại
Dịch vụ Đông Nam Á

Mẫu số: S02 – DNN
(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NĂM 2015

Đơn vị tính : đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số kỳ này	Số kỳ trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	3.509.744.000	2.750.568.000
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	3.509.744.000	2.750.568.000
4	Giá vốn hàng bán	11	2.853.235.000	2.103.250.000
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	656.509.000	647.318.000
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.124.355	945.730
7	Chi phí tài chính	22	9.278.550	2.125.360
	- Trong đó : Chi phí lãi vay	23	9.278.550	2.125.360
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24	462.285.886	532.188.564
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	186.068.919	113.949.806
10	Thu nhập khác	31		
11	Chi phí khác	32		
12	Lợi nhuận khác	40		
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	186.068.919	113.949.806
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	37.213.784	22.789.961
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	51	148.855.135	91.159.845

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.29: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015

CHƯƠNG III

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐÔNG NAM Á

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.

3.1.1. Ưu điểm

** Về tổ chức bộ máy kế toán*

- Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Toàn bộ công tác kế toán tập trung tại phòng kế toán. Chứng từ sau khi được các phòng ban thu thập, kiểm tra, xử lý sẽ được gửi về phòng kế toán. Sau đó phòng kế toán kiểm tra lại tính chính xác, hợp lệ của chứng từ, tổng hợp thực hiện việc ghi sổ kế toán, lập báo cáo kế toán. Mô hình này phù hợp với địa bàn, quy mô vừa và nhỏ của Công ty, đảm bảo quản lý tập trung và thống nhất của công tác kế toán, dễ phân công, kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kịp thời, giúp Ban lãnh đạo nắm bắt được tình hình hoạt động của Công ty.

- Bộ máy kế toán tương đối gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả, thực hiện đúng chế độ hiện hành. Đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi nâng cao trình độ trong công việc. Mỗi một kế toán viên được giao một công việc cụ thể, rõ ràng, tránh được sự trùng lặp trong công việc, hiệu quả làm việc cao.

** Về tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán*

Việc sử dụng chứng từ và luân chuyển chứng từ tại Công ty cơ bản là thực hiện đúng theo quy định của Bộ tài chính ban hành. Công ty vận dụng hệ thống tài khoản theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC và bổ sung thêm một số tiểu khoản phù

** Về hệ thống sổ sách kế toán*

Hệ thống sổ kế toán tại Công ty có ưu điểm là đơn giản, gọn nhẹ. Kế toán áp dụng hình thức nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản, dễ vận dụng, phù hợp với trình độ năng lực và yêu cầu quản lý của Công ty.

** Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*

- Về tổ chức công tác kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán

hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đầy đủ. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả của từng loại hình dịch vụ, để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Về việc xác định trị giá vốn hàng bán: Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn là phù hợp với loại hình kinh doanh của Công ty, thuận lợi trong việc tập hợp chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

- Về tổ chức công tác kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn quan tâm và tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại Công ty bước đầu được đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của Công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của Công ty.

3.1.2. Nhược điểm

** Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi*

Hiện nay Công ty có một số khoản nợ quá hạn nhưng vẫn chưa lập dự phòng. Vì vậy khi có trường hợp không đòi được số nợ (khách hàng trốn nợ hoặc không có khả năng thanh toán nợ) thì sẽ ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty.

** Về tổ chức hệ thống sổ kế toán*

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á là một công ty thương mại kinh doanh rất nhiều mặt hàng máy tính, điện tử, thiết bị ngoại vi, phần mềm... với đa dạng mẫu mã, giá cả, chủng loại nhưng kế toán lại không mở các loại Sổ chi tiết theo từng mặt hàng. Cụ thể:

- Trong phần kế toán chi phí quản lý kinh doanh: Công ty không mở sổ chi tiết cho TK 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”. Như vậy sẽ rất khó khăn trong việc

theo dõi chi tiết từng yếu tố chi phí phát sinh cho từng khoản này.

- Khi hạch toán phân kế toán doanh thu, giá vốn: Công ty không sử dụng Sổ chi tiết theo dõi doanh thu, giá vốn cho từng loại hàng hóa được bán gây khó khăn trong việc xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng.

** Về việc hiện đại hóa công tác kế toán*

Hiện nay công ty đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế trên nhưng chỉ mới dừng lại ở việc sử dụng các ứng dụng trên Word và Excel. Trong đó hoạt động kinh doanh ngày càng mở rộng nên áp dụng công nghệ vào hạch toán kế toán nhằm giúp nhà quản lý đạt hiệu quả trong công việc.

** Về quy trình luân chuyển chứng từ*

Mọi chứng từ đều được luân chuyển giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho về cơ bản đều đúng trình tự. Tuy nhiên, giữa các phòng ban không có biên bản giao nhận chứng từ. Vì thế công tác luân chuyển chứng từ giữa các đơn vị thuộc phòng tài chính kế toán của Công ty vẫn còn sự chậm chễ.

3.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho các đơn vị quản lý các hoạt động tiêu thụ, sử dụng các khoản chi hợp lý. Dựa vào đó các nhà quản lý có những biện pháp thúc đẩy doanh thu và điều tiết chi phí hợp lý, hoàn thiện quá trình này giúp hạ giá thành hàng hóa và tiết kiệm được chi phí cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn cung cấp cho nhà quản lý những con số thực tế, những chứng từ xác thực phản ánh tình hình kinh doanh của Công ty. Thông qua số liệu kế toán, nhà quản lý sẽ có những hoạch định, chiến lược phát triển, giải quyết các khó khăn và đưa ra biện pháp bền vững lâu dài.

3.2.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì sự thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định phương

hướng cũng như mục tiêu để có bước phát triển mới, Muốn vậy doanh nghiệp trước hết cần không ngừng đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý. Thông qua việc lập chứng từ kiểm tra, tính toán, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế bằng phương pháp khoa học để biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ góp phần cho việc xử lý tài sản.

Hoàn thiện quá trình này giúp cho khối lượng công việc kế toán được giảm nhẹ, hệ thống sổ sách đơn giản, ghi chép đối chiếu xác minh dễ dàng, tạo điều kiện cho việc lập Báo cáo tài chính cuối kỳ đảm bảo cung cấp thông tin cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Ngoài ra, quá trình này hoàn thiện còn giúp cho việc tổ chức chứng từ ban đầu và quá trình luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm được chi phí và thời gian, tạo thuận lợi cho công tác kế toán cuối kỳ và đưa ra phương hướng kinh doanh trong kỳ tới.

3.2.3. Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp việc hạch toán kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á cần đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Để đáp ứng nhu cầu về quản lý đồng bộ hoạt động kinh tế tài chính của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước, Nhà nước đã xây dựng hệ thống và chế độ kế toán. Đây là văn bản có tính bắt buộc, mặc dù vậy doanh nghiệp có thể thay đổi linh hoạt để phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với hình kinh doanh của Công ty. Mỗi công ty có một đặc điểm khác nhau về tổ chức hoạt động và hệ thống quản lý.
- Hoàn thiện dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí: Doanh nghiệp hoạt động với mục đích chủ yếu là lợi nhuận, lợi nhuận cao chứng tỏ doanh nghiệp phát triển. Do đó không thể tách rời hoạt động của doanh nghiệp với mục đích hạch toán kinh tế.

3.2.4. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.

3.2.4.1. Hoàn thiện việc trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Là một công ty thương mại với các khoản phải thu của khách hàng là khá lớn và với chính sách bán trả chậm nên việc không thu hồi được nợ có khả năng xảy ra cao. Hiện nay công ty có một số khách hàng nợ quá hạn. Việc chưa trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty.

*** Đối tượng và điều kiện lập dự phòng phải thu khó đòi**

Là các khoản nợ phải thu đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu của bên khách hàng về số tiền nợ bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ

khác. Các khoản phải thu không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích đang bị cơ quan pháp luật truy tố.

+ Những khoản nợ trên 3 năm trở lên không có khả năng thu hồi nợ được xử lý xóa nợ

*** Phương pháp lập dự phòng:**

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng theo thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn nhưng khách hàng nợ đã rơi vào tình trạng phá sản hoặc làm thủ tục giải thể, bị cơ quan pháp luật truy tố...thì doanh nghiệp quy định mức tổn thất không thu hồi được để lập dự phòng.
- Sau khi lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ phần dự phòng vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.

* **TK 159 “ Các khoản dự phòng”** có 3 tài khoản cấp 2:

- TK 1591 “ Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn”
- TK 1592 “ Dự phòng phải thu khó đòi”
- TK 1593 “ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”.

Trong đó **TK 1592 “Dự phòng phải thu khó đòi”** có kết cấu như sau:

- + *Bên Nợ*: - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi;
 - Xóa các khoản nợ phải thu khó đòi.
- + *Bên Có*: Số dự phòng phải thu khó đòi được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp
- + Số dư bên Có: Số dự phòng phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ.

* **Phương pháp hạch toán:**

NV1: Nếu số dự phòng phải trích lập năm nay cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở cuối niên độ kế toán trước thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý kinh doanh phần chênh lệch:

Nợ TK 6422 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”

Có TK 1592 “Dự phòng phải thu khó đòi”.

NV2: Nếu số dự phòng phải trích lập năm nay nhỏ hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở cuối niên độ kế toán trước thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh:

Nợ TK 1592 “Dự phòng phải thu khó đòi”

Có TK 6422 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

NV3: Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xóa nợ. Việc xóa nợ các khoản nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi

ghi:

Nợ TK 592 “Dự phòng phải thu khó đòi” (Nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp” (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131 “Phải thu của khách hàng”

Có TK 138 “Phải thu khác”

Đồng thời ghi vào bên Nợ TK 004_“Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán).

NV4: Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xoá nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được ghi:

Nợ các TK 111, 112,.. .

Có TK 711 “Thu nhập khác”

Đồng thời ghi vào bên Có TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán).

Ví dụ minh họa:

Từ bảng kê công nợ (***Biểu số 3.1***) và dựa vào mức trích lập dự phòng theo quy định kế toán tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi (***Biểu số 3.2***) vào ngày 31/12 như sau:

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á

Số 16 Đà Nẵng - Máy Tơ - Ngô Quyền - Hải Phòng

BẢNG KÊ CÔNG NỢ

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tên khách hàng	Số tiền nợ	Chưa đến hạn	Đến hạn	Quá hạn	Không đòi được	Ghi chú
Công ty TNHH CP An Lợi	215.161.000			215.161.000		15 tháng 10 ngày
Cửa hàng Thanh Lan	113.262.000			113.262.000		20 tháng 02 ngày
Bà Trịnh Thu An	70.570.000	20.570.000				
Cửa hàng Minh Quang	112.900.000	112.900.000				
.....						
Bà Vũ Thị Hà	42.700.000			42.700.000		8 tháng
Tổng cộng	1.770.450.000	874.840.000	524.487.000	371.123.000		

Biểu số 3.1: Bảng kê công nợ tính đến ngày 31/12/2015

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á

Số 16 Đà Nẵng - Máy Tơ - Ngô Quyền - Hải Phòng

BẢNG KÊ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Năm 2015

Tên khách hàng	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn thanh toán	Tỷ lệ trích lập	Số cần lập dự phòng
Công ty TNHH CP An Lợi	215.161.000	15 tháng 10 ngày	50%	107.580.500
Cửa hàng Thanh Lan	113.262.000	20 tháng 02 ngày	50%	56.631.000
Bà Vũ Thị Hà	42.700.000	8 tháng	30%	12.810.000
Tổng cộng	371.123.000			177.021.500

Biểu số 3.2: Bảng kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Kế toán định khoản:

Nợ TK 6422 : 177.021.500

Có TK 1592 : 177.021.500

Kế toán lập phiếu cho nghiệp vụ trên và ghi vào các sổ sách liên quan.

3.2.4.2 Hoàn thiện hệ thống sổ sách tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.

Trong mỗi công ty, hệ thống sổ sách đóng vai trò rất quan trọng. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thực sự có hiệu quả chỉ khi công ty có hệ thống sổ sách kế toán phù hợp với quy mô kinh doanh tại Công ty.

+) Khi hạch toán các tài khoản chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, Kế toán chỉ theo dõi trên tài khoản 642 mà không mở chi tiết các tài khoản

cấp 2. Do đó gây khó khăn trong việc theo dõi và kiểm soát các yếu tố chi phí. Để hoàn thiện sổ sách, Công ty nên lập Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Mẫu số S18-DNN ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC). Việc theo dõi các chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh trên từng yếu tố giúp Công ty quản lý các khoản chi phí dễ dàng hơn. TK 642 chia ra làm các tiểu khoản:

TK 6421 “Chi phí bán hàng”

TK 6422 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

+) Khi hạch toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán, Kế toán chỉ theo dõi trên các sổ tổng hợp (Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 632 và 511 mà không mở sổ chi tiết để theo dõi doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng. Điều đó làm cho Công ty gặp khó khăn trong việc theo dõi lãi gộp từng mặt hàng.

Để hoàn thiện sổ sách, Công ty nên lập Sổ chi tiết bán hàng (Mẫu số S17-DNN ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC).

Sổ chi tiết bán hàng và Sổ chi phí sản xuất kinh doanh được thể hiện qua **Biểu số 3.3** và **Biểu số 3.4** dưới đây.

Đơn vị:

Mẫu số S17- DNN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (Hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư)

Mã hàng hóa:

Năm:

Quyển số: ...

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

Ngày..... tháng..... năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.3: Sổ chi tiết bán hàng (S17-DNN)

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số S18- DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 154,631,642,632,142,242)

Tài khoản:

Tên phân xưởng:

Tên sản phẩm dịch vụ:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi Nợ tài khoản								
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra							
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	
			- Số dư đầu kỳ										
			- Số dư phát sinh trong kỳ										
			- Cộng số phát sinh trong kỳ										
			- Số dư cuối kỳ										

Số này có.. trang, đánh từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ:

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm.....

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 3.4: Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh (S18- DNN)

Ví dụ :

+) Với nghiệp vụ bán hàng ở ví dụ 2.1 phần 2.2.1.5, ngoài việc ghi chép vào sổ sách đã trình bày, kế toán nên bổ sung Sổ chi tiết bán hàng cho hàng bán. Cụ thể:

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000065, Kế toán ghi vào Sổ chi tiết bán hàng cho mặt hàng máy tính Asus F454LA i3 4005U (**Biểu số 3.5**). Căn cứ vào Phiếu xuất kho 116/10, Kế toán ghi vào Sổ chi tiết giá vốn cho mặt hàng máy tính Asus F454LA i3 4005U (**Biểu số 3.6**).

+) Với nghiệp vụ ở ví dụ 2.5 phần 2.2.3.5 ngoài việc ghi chép vào sổ sách đã trình bày, kế toán nên bổ sung Sổ chi phí sản xuất kinh doanh. Cụ thể:

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000136 và Phiếu chi số 58/10, Kế toán ghi vào Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (**Biểu số 3.7**) để theo dõi cụ thể từng yếu tố chi phí phát sinh.

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á
Số 16 Đà Nẵng - Máy Tơ - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S17- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (Hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Máy tính Asus F454LA i3 4005U
Năm: 2015

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Phát sinh trong năm						
			...						
10/10	GBC10/10	10/10	Bán hàng cho Công ty TNHH Hưng Đạt	112	6	9.890.000	59.340.000		
			Cộng phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.5: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á
Số 16 Đà Nẵng - Máy Tơ - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S18- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 632- Giá vốn hàng bán
Tên sản phẩm, dịch vụ: Máy tính Asus F454LA i3 4005U
Năm 2015

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi Nợ tài khoản 632		
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Số lượng	Đơn giá
			Số phát sinh trong kỳ				
10/10	PXK116/10	116/10	Bán hàng cho Công ty TNHH Hưng Đạt	156	43.215.000	6	7.202.500
			Cộng phát sinh trong kỳ				
			...				
			Ghi có TK 632	911			
			Số dư cuối kỳ				

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.6: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á
Số 16 Đà Nẵng - Máy Tơ - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S18- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp
Năm 2015

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi Nợ tài khoản 6422					
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra				
						Lương	Vật liệu	Công cụ dụng cụ	...	Chi phí bằng tiền khác
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			Số phát sinh trong kỳ							
			...							
10/10	PC58/10	10/10	Mua giấy in	111	2.181.818		2.181.818			
			...							
			Cộng phát sinh							

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.7: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

3.2.4.3. *Hiện đại hóa công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.*

Hiện nay sử dụng ứng dụng khoa học công nghệ đã mang lại rất nhiều hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp. Các phần mềm kế toán phục vụ các nhu cầu quản lý kế toán, giúp kiểm soát và duy trì hoạt động của công ty.

Trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như MISA, CNS, SAS, INNOVA.. em xin giới thiệu một số phần mềm kế toán mà công ty có thể sử dụng.

*** Phần mềm kế toán MISA SME. NET 2015:**

MISA. NET 2015 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp.

Giá cài đặt phần mềm là 2.950.000 VNĐ

Giao diện phần mềm kế toán MISA SME. NET 2015



Một số điểm nổi bật của phần mềm kế toán MISA:

Phân tích tài chính

Cung cấp tức thời nhiều biểu đồ phân tích, hệ thống báo cáo quản trị giúp Giám đốc nắm bắt nhanh chóng, chính xác các thông tin về sức khỏe của Doanh nghiệp.

Phân hệ quỹ

Đễ dàng tạo mẫu Phiếu thu, Phiếu chi theo đặc thù doanh nghiệp, in theo khổ A4, A5 hoặc giấy cuộn. Dự báo dòng tiền thu, chi trong tương lai giúp doanh nghiệp tối ưu vòng quay vốn.

Phân hệ Ngân hàng

Đáp ứng nghiệp vụ thanh toán qua thẻ tín dụng. Lập và in các chứng từ như Sec, UNC theo đặc thù biểu mẫu từng ngân hàng. Hỗ trợ đối chiếu chứng từ thu, chi với sổ phụ Ngân hàng để phát hiện chênh lệch.

Phân hệ mua hàng

Tự động phân bổ chi phí mua hàng, chi phí hải quan, hạch toán các khoản chiết khấu thương mại, theo dõi chi tiết công nợ phải trả theo từng hóa đơn.

Phân hệ bán hàng

Cho phép thiết lập chính sách giá bán và chiết khấu cho từng khách hàng, mặt hàng, theo dõi chiết khấu theo tổng giá trị hóa đơn. Lập kế hoạch thu nợ, theo dõi nợ theo từng giai đoạn, hóa đơn, khách hàng, tự động tính lãi nợ quá hạn.

Phân hệ quản lý hóa đơn

Hỗ trợ doanh nghiệp tự tạo mẫu, phát hành in và sử dụng hóa đơn. Theo dõi thông báo phát hành đối với tem, vé, phiếu nhập kiêm vận chuyển nội bộ.

Phân hệ kho

Tính giá xuất kho theo nhiều phương pháp: Đích danh, Nhập trước xuất trước, Bình quân cuối kỳ, Bình quân tức thời. Quản lý hàng hóa theo mã vạch, số lô, hạn dùng, mã quy cách, đặc tính sản phẩm, quy đổi theo nhiều đơn vị tính

Phân hệ lương

Chấm công, lập bảng chấm công và tính lương theo thời gian, sản phẩm... Tính lương cơ bản theo hệ số và mức lương tối thiểu hoặc tính lương cơ bản theo lương thỏa thuận của nhân viên.

Phân hệ hợp đồng

Quản lý hợp đồng theo dự án, bộ phận kinh doanh, nhân viên kinh doanh, thị

trường. Theo dõi các khoản dự kiến chi, thực chi, tình hình thanh toán và tự động xác định lãi lỗ theo từng hợp đồng, dự án.

Phân hệ tài sản cố định

Tự động khấu hao chi tiết đến từng Tài sản cố định. Tự động phân bổ chi chi khấu hao cho từng bộ phận, phòng ban, đối tượng tập hợp chi phí. Cho phép lập biên bản kiểm kê tài sản cố định và tự động xử lý chênh lệch sau khi kiểm kê.

Phân hệ Công cụ dụng cụ

Phân bổ chi phí một lần hoặc nhiều lần cho từng Công cụ dụng cụ theo từng đối tượng tập hợp chi phí để tính giá thành, lãi lỗ kinh doanh. Cho phép lập biên bản kiểm kê Công cụ dụng cụ và tự động xử lý chênh lệch sau khi kiểm kê

Phân hệ Giá thành

Tính giá thành và đánh giá sản phẩm dở dang theo nhiều phương pháp. Tự động phân bổ chi phí cho từng đối tượng tập hợp chi phí.

Phân hệ thuế

Tự động lập bảng thuế đầu vào, đầu ra, tờ khai.. in tờ khai, báo cáo thuế có mã vạch. Xuất khẩu báo cáo thuế định dạng XML, nộp báo cáo thuế qua mạng trực tiếp đến cơ quan thuế qua MTAX.VN

Phân hệ Ngân sách

Lập dự toán chi ngân sách theo từng chi nhánh, phòng ban. Thống kê chi phí theo từng khoản mục chi phí. Phân tích hiệu quả quản lý chi phí của từng bộ phận, chi nhánh.

Phân hệ Tổng hợp

Tự động kết chuyển lãi lỗ để xác định kết quả kinh doanh. Lập đồng thời hai bộ sổ kế toán (Tài chính và Quản trị) trên cùng một dữ liệu. Tự động lập báo cáo tài chính tổng hợp cho công ty đa chi nhánh.

*** Phần mềm kế toán Qlink:**

Là phần mềm được xây dựng trên công cụ lập trình tiên tiến C#. NET, cơ sở dữ liệu SQL Server tích hợp trên Font chuẩn Unicode.

Giao diện phần mềm kế toán Qlink:



- Mô hình cấp dữ liệu cho phép tập hợp và quản lý theo sơ đồ Tổng công ty - Công ty thành viên - Chi nhánh.
- Tính linh động, dễ chỉnh sửa: cho phép người dùng khai báo thêm các trường thông tin để theo dõi.
- Theo dõi và hạch toán song song nhiều loại tiền tệ.
- Cho phép làm việc trên nhiều cửa sổ trong cùng một thời điểm, di chuyển nhanh đến danh mục hay chứng từ trên nhiều phân hệ khác.
- Giao diện và báo cáo tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Hoa và ngôn ngữ khác do người dùng tự định nghĩa.
- Kết xuất dữ liệu ra bộ đĩa office dễ dàng, kết xuất trực tiếp qua HTTK, iHTKK, TaxOnline.
- Tích hợp trên nhiều hệ điều hành như: Winxp, Vista, Win 7.
- Có thể kết nối dữ liệu từ xa (trường hợp bán hàng có showroom, chi nhánh, công ty con...)

Giá phần mềm Qlink là 4.000.000

*** Phần mềm kế toán Smart Pro**

- Lập trình trên công nghệ mới nhất Microsoft.NET, xử lý số liệu tốc độ cực nhanh

nhANH và chính xác bằng việc áp dụng công nghệ xử lý SQL Server và Visual Basic, có thể chạy nhiều máy trên mạng LAN, có chức năng lưu dữ liệu sang một file khác dự phòng và khôi phục dữ liệu khi bị mất, không sợ virus làm hư data.

- Giao diện dễ nhìn, thao tác ngắn gọn lại thực hiện được nhiều việc mà những phần mềm khác không thể thực hiện được. Hình thức nhập số liệu quen thuộc, cực nhanh, dễ sử dụng với những chức năng vượt trội bằng việc áp dụng công nghệ lập trình *một màn hình nhập liệu* mà không chia phân hệ như các phần mềm kế toán khác, khi đang nhập phát sinh bạn có thể mở danh mục hồ sơ ra xem.

Giao diện phần mềm kế toán Smart Pro



Giá phần mềm 2.500.000 VNĐ

Theo em, để tiện sử dụng, giao diện đơn giản, quen thuộc và giá thành hợp lý, Công ty nên lựa chọn sử dụng phần mềm kế toán MISA cho công tác kế toán trong doanh nghiệp của mình.

3.2.4.4. Hoàn thiện quy trình luân chuyển chứng từ tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý và dễ tìm lại khi bị thất lạc. Việc này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của Công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung. Quá trình luân chuyển giữa các phòng ban của Công ty còn chậm trễ, chứng từ còn dồn lại và được chuyển đến phòng kế toán cùng một thời điểm, điều này gây ứ đọng, tăng khối lượng công việc cho kế toán, dễ gây những nhầm lẫn sai sót. Vì vậy Công ty nên có những quy định về thời gian luân chuyển chứng từ trong năm hoặc trong một kỳ để việc hạch toán được khoa học, chính xác. Ngoài ra Công ty có thể sử dụng mẫu biên bản giao nhận chứng từ để rõ ràng trong từng giai đoạn luân chuyển chứng từ.

Mẫu sổ giao nhận chứng từ được thể hiện qua biểu số 3.8 dưới đây

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐÔNG NAM Á

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Từ ngày... đến ngày...

Ngày tháng giao nhận	Số hiệu chứng từ	Ngày tháng chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
				Bên giao	Bên nhận

Biểu số 3.8: Mẫu sổ giao nhận chứng từ

3.2.4.5. Một số giải pháp khác:

- Bộ phận kế toán cần tích cực tìm hiểu, cập nhật thông tin kế toán mới hơn nữa để phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty.
- Công ty nên tích cực chủ động tiếp cận khách hàng, tư vấn trước và sau hợp đồng. Đồng thời xây dựng chính sách giá phù hợp với tình hình cạnh tranh trên thị trường bằng cách chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán. Đẩy mạnh các chương trình quảng cáo, khuyến mãi nhằm nâng cao lượng khách hàng cũng như doanh thu cho Công ty.
- Công ty cần thực hiện nghiêm các điều khoản trên hợp đồng với khách hàng, quy định thời gian gia hạn nợ cho khách hàng.
- Đồng thời, tăng cường tổ chức công tác đào tạo chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm cho Bộ phận kế toán trong Công ty.

KẾT LUẬN

Là một doanh nghiệp thương mại, Công ty TNHH thương mại Dịch vụ Đông Nam Á phải tìm cho mình một hướng đi đúng đắn. Việc hạch toán kế toán có vai trò hết sức quan trọng và tích cực trong công tác điều hành, quản lý doanh nghiệp. Trong đó kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã góp phần vào việc cung cấp thông tin có độ tin cậy cao nhằm phát hiện được những mặt mạnh, mặt yếu trong một chu kỳ hoạt động kinh doanh, có ý nghĩa quan trọng trong việc phát huy các yếu tố tích cực, khắc phục và cải tiến những khuyết điểm để duy trì phát triển. Trên cơ sở đó đề ra các biện pháp cải tiến nhằm tăng hiệu quả kinh doanh cho Công ty.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á em đã có cơ hội tìm hiểu sâu hơn về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Cùng với sự giúp đỡ tận tình của Ths. Nguyễn Thị Mai Linh và các anh chị kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á, em đã hoàn tất khóa luận của mình. Qua bài khóa luận bằng sự kết hợp những kiến thức đã học ở trường với thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, em đã nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của công tác kế toán này. Do kiến thức còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Đào Thu Hiền

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính – Nhà xuất bản Tài Chính).
2. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
3. Bộ tài chính (2009), chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyền 1 Hệ thống tài khoản kế toán Nhà xuất bản Tài chính.
4. Bộ tài chính (2009), chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyền 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán, Nhà xuất bản Tài chính.
5. Sổ sách kế toán Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á (2015).
6. Một số trang web như: webketoan.vn, ketoanthucte.com, ketoantaichinh.com.vn..

